



CHỦ TỊCH NƯỚC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 1048 /QĐ-CTN

Hà Nội, ngày 17 tháng 6 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH
Về việc tặng thưởng Huy chương Quân kỳ quyết thắng

CHỦ TỊCH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Căn cứ Điều 88 Hiến pháp nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam;
Căn cứ Luật thi đua, khen thưởng;
Xét đề nghị của Thủ tướng Chính phủ tại Tờ trình số 603/TTr-TTg ngày 24 tháng 5 năm 2019,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Tặng thưởng Huy chương Quân kỳ quyết thắng cho 640 cá nhân thuộc Bộ Quốc phòng (có Danh sách kèm theo),

Đã có thời gian 25 năm phục vụ liên tục trong lực lượng vũ trang nhân dân, góp phần xây dựng Quân đội, củng cố quốc phòng và bảo vệ Tổ quốc.

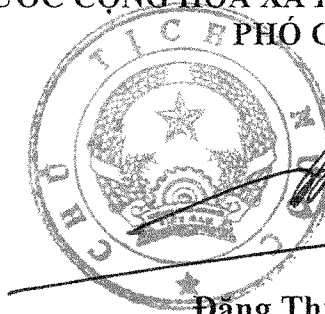
Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày ký.

Thủ tướng Chính phủ, Chủ nhiệm Văn phòng Chủ tịch nước và các cá nhân có tên trong Danh sách chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

KT. CHỦ TỊCH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
PHÓ CHỦ TỊCH

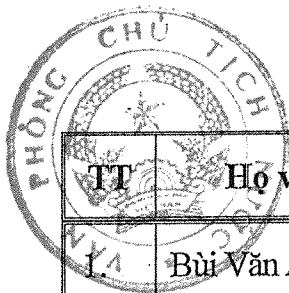
Nơi nhận:

- Chính phủ;
- VPCTN: CNVP, Website VP;
- Ban Thi đua - Khen thưởng TW;
- Lưu: VT, Vụ TĐKT (2).



Đặng Thị Ngọc Thịnh

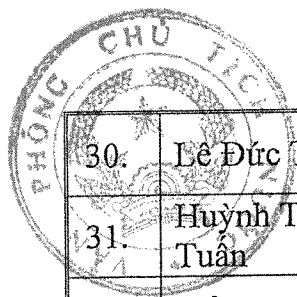
DANH SÁCH
CÁC CÁ NHÂN THUỘC BỘ QUỐC PHÒNG ĐƯỢC CHỦ TỊCH NƯỚC
TẶNG THƯỞNG HUY CHƯƠNG QUÂN KỲ QUYẾT THẮNG
 (Kèm theo Quyết định số: 1048/QĐ-CTN, ngày 17 tháng 6 năm 2019 của Chủ tịch nước)



TT	Họ và tên	Cấp bậc	Chức vụ, đơn vị	Năm sinh	Nhập ngũ	Quê quán
1.	Bùi Văn Anh	Trung tá	Chủ nhiệm Công binh, Phòng Tham mưu, Lữ đoàn Pháo binh 6, Quân khu 9	1971	02/1992	Xã Tăng Tiến, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang
2.	Đặng Mạnh Chung	Thiếu tá	Trưởng Ban Quân lực, Phòng Tham mưu, Lữ đoàn Pháo binh 6, Quân khu 9	1975	8/1992	Xã Tân Viên, huyện An Lão, thành phố Hải Phòng
3.	Trần Việt Hùng	Trung tá	Trợ lý Tác huấn, Phòng Tham mưu, Lữ đoàn Pháo binh 6, Quân khu 9	1971	3/1992	Xã Khánh Bình Tây, huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau
4.	Đàm Hữu Ngọc	Thiếu tá	Trợ lý Doanh trại, Phòng Hậu cần, Lữ đoàn Pháo binh 6, Quân khu 9	1972	02/1992	Xã Quảng Ninh, huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa
5.	Nguyễn Thanh Hùng	Trung tá	Phó Chủ nhiệm Hậu cần, Phòng Hậu cần, Lữ đoàn Pháo binh 6, Quân khu 9	1974	3/1992	Xã Tân Quới Trung, huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long
6.	Hoàng Văn Tôn	Thiếu tá CN	Thủ kho dược, Phòng Hậu cần, Lữ đoàn Pháo binh 6, Quân khu 9	1972	3/1992	Xã Liên Sơn, huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam
7.	Vũ Quang Tạo	Đại úy CN	Lái xe, Phòng Hậu cần, Lữ đoàn Pháo binh 6, Quân khu 9	1972	02/1992	Xã Thanh Hải, huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương
8.	Lương Văn Lợi	Trung tá	Phó Chủ nhiệm Kỹ thuật, Phòng Kỹ thuật, Lữ đoàn Pháo binh 6, Quân khu 9	1973	8/1992	Xã Nhật Tân, huyện Tiên Lữ, tỉnh Hưng Yên
9.	Nguyễn Đức Thống	Thiếu tá CN	Thợ sửa chữa vũ khí bộ binh, Phòng Kỹ thuật, Lữ đoàn Pháo binh 6, Quân khu 9	1971	3/1992	Xã Yên Khang, huyện Ý Yên, tỉnh Nam Định
10.	Trần Ngọc Sơn	Đại úy CN	Nhân viên Quân khí, Phòng Kỹ thuật, Lữ đoàn Pháo binh 6, Quân khu 9	1973	02/1992	Xã Thụy Liễu, huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ
11.	Phạm Cao Toàn	Thượng úy CN	Nhân viên xe máy, Tiểu đoàn 1, Lữ đoàn Pháo binh 6, Quân khu 9	1973	02/1992	Xã Đại Đồng, huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương
12.	Nguyễn Thúy Hiền	Thiếu tá CN	Tiểu đội trưởng nuôi quân, Tiểu đoàn 1, Lữ đoàn Pháo binh 6, Quân khu 9	1974	3/1992	Xã Minh Tân, huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình
13.	Đào Đình Đạt	Trung tá	Tiểu đoàn trưởng, Tiểu đoàn 3, Lữ đoàn Pháo binh 6, Quân khu 9	1974	3/1992	Xã Minh Thuận, huyện Vụ Bản, tỉnh Nam Định

H

14.	Phạm Thị Nguyệt Anh	Trung tá CN	Nhân viên Văn thư - Bảo mật, Kho 301, Cục Kỹ thuật, Quân khu 9	1969	12/1992	Phường 7, thành phố Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang
15.	Nguyễn Thị Xuân	Thiếu tá CN	Nhân viên Thống kê, Phòng Tham mưu - Kế hoạch, Cục Kỹ thuật, Quân khu 9	1967	6/1992	Phường 3, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh
16.	Nguyễn Thị Minh Phương	Thiếu tá CN	Nhân viên Văn thư, Ban Hành chính, Cục Kỹ thuật, Quân khu 9	1969	6/1992	Phường 10, quận 10, thành phố Hồ Chí Minh
17.	Nguyễn Cảnh Dương	Thiếu tá CN	Lái xe, Ban Hành chính, Cục Kỹ thuật, Quân khu 9	1972	9/1992	Xã An Hòa, huyện Vĩnh Bảo, thành phố Hải Phòng
18.	Vũ Xuân Hải	Trung tá CN	Nhân viên Bảo vệ, Phân kho súng pháo Ô tô, Kho 302, Cục Kỹ thuật, Quân khu 9	1970	11/1992	Xã Trảng An, huyện Bình Lục, tỉnh Hà Nam
19.	Lê Thanh Tùng	Đại úy CN	Lái xe, Kho 303, Cục Kỹ thuật, Quân khu 9	1971	11/1992	Xã Thới Đông, huyện Cờ Đỏ, thành phố Cần Thơ
20.	Trần Văn Lờ	Đại úy CN	Thợ sửa chữa Ô tô, Kho 303, Cục Kỹ thuật, Quân khu 9	1972	9/1992	Xã Việt Khái, huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau
21.	Mã Ngọc Sơn	Thiếu tá CN	Phân Kho trưởng, Kho 303, Cục Kỹ thuật, Quân khu 9	1972	3/1992	Xã Diễn Quảng, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An
22.	Lê Thị Thúy Oanh	Thiếu tá CN	Nhân viên quân y, Ban Hành chính, Cục Hậu cần, Quân khu 9	1974	02/1992	Xã Mỹ Hòa, huyện Bình Minh, tỉnh Vĩnh Long
23.	Nguyễn Thị Thanh Loan	Thiếu tá CN	Y sỹ, Đội Y học dự phòng, Cục Hậu cần, Quân khu 9	1973	02/1992	Xã Quới Thành, huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre
24.	Ngô Văn Trọng	Thiếu tá CN	Nhân viên kỹ thuật, Ban Kỹ thuật, Trung đoàn Vận tải 659, Cục Hậu cần, Quân khu 9	1972	3/1992	Xã Định Hòa, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa
25.	Phạm Văn Bốn	Đại úy CN	Lái xe, Đại đội 1, Tiểu đoàn 41, Trung đoàn Vận tải 659, Cục Hậu cần, Quân khu 9	1971	02/1992	Xã Tây Phong, huyện Tiền Hải, tỉnh Thái Bình
26.	Trần Đức Cần	Thiếu tá CN	Nhân viên Doanh trại, Ban Hậu cần, Trung đoàn Vận tải 659, Cục Hậu cần, Quân khu 9	1973	3/1992	Xã Đặng Sơn, huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An
27.	Hoàng Văn Lãng	Thiếu tá CN	Thợ máy, Đại đội 5, Tiểu đoàn 804, Trung đoàn Vận tải 659, Cục Hậu cần, Quân khu 9	1969	6/1992	Xã Trục Cường, huyện Trục Ninh, tỉnh Nam Định
28.	Hồ Việt Toàn	Thiếu tá	Bác sỹ, Khoa Ngoại chấn thương-bỏng-vi phẫu, Bệnh viện quân y 121, Cục Hậu cần, Quân khu 9	1972	10/1992	Xã Trần Hợi, huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau
29.	Đặng Xuân Yên	Đại úy CN	Phó Chủ nhiệm Hậu cần, Bệnh viện quân y 121, Cục Hậu cần, Quân khu 9	1972	9/1992	Xã Xuân Hòa, huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An

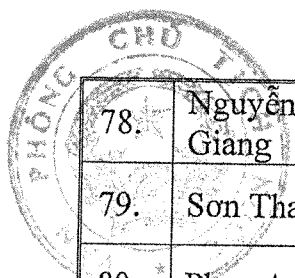


30.	Lê Đức Trung	Trung tá	Lữ đoàn trưởng, Lữ đoàn Tăng thiết giáp 416, Quân khu 9	1974	02/1992	Xã Châu Bình, huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre
31.	Huỳnh Thanh Tuần	Trung tá	Phó Tham mưu trưởng, Lữ đoàn Tăng thiết giáp 416, Quân Khu 9	1971	02/1992	Xã Kiến Thành, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang
32.	Trần Bá Khả	Thiếu tá	Trợ lý hóa học, Phòng Tham Mưu, Lữ đoàn Tăng thiết giáp 416, Quân Khu 9	1972	02/1992	Xã Sơn Thành, huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ An
33.	Nguyễn Ngọc Thành	Trung tá	Phó Chủ nhiệm Chính trị, Lữ đoàn Tăng thiết giáp 416, Quân khu 9	1974	02/1992	Xã Hạ Mỗ, huyện Đan Phượng, thành phố Hà Nội
34.	Phan Văn An	Thiếu tá	Trợ lý chính sách, Phòng Chính trị, Lữ đoàn Tăng thiết giáp 416, Quân khu 9	1971	02/1992	Xã Hoàng Hoa, huyện Tam Dương, tỉnh Vĩnh Phúc
35.	Nguyễn Văn Hiên	Trung tá	Phó Chủ nhiệm Hậu cần, Lữ đoàn Tăng thiết giáp 416, Quân khu 9	1971	02/1992	Xã Hoàng Hoa, huyện Tam Dương, tỉnh Vĩnh Phúc
36.	Nguyễn Quý Phương	Đại úy	Trợ lý xe máy, Phòng Kỹ thuật, Lữ đoàn Tăng thiết giáp 416, Quân khu 9	1974	02/1992	Xã Thượng Vũ, huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương
37.	Vũ Minh Thông	Trung tá	Tiểu đoàn trưởng, Tiểu đoàn Bảo quản 9, Lữ đoàn Tăng thiết giáp 416, Quân khu 9	1974	02/1992	Xã Vĩnh Tế, huyện Châu Phú, tỉnh An Giang
38.	Nguyễn Văn Nam	Thiếu tá CN	Lái xe PT-76, Tiểu đoàn 2, Lữ đoàn Tăng thiết giáp 416, Quân khu 9	1972	3/1992	Xã Hậu Thành, huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ An
39.	Nguyễn Văn Cối	Thượng tá	Phó Tham mưu trưởng, Sư đoàn Bộ binh 8, Quân khu 9	1973	3/1992	Xã Bình Thạnh, huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp
40.	Trần Văn Nữa	Trung tá	Trưởng ban Phòng không, Phòng Tham mưu Sư đoàn Bộ binh 8, Quân khu 9	1974	02/1992	Xã Ninh Quới, huyện Hồng Dân, tỉnh Bạc Liêu
41.	Lê Đức Thịnh	Thượng úy CN	Lái xe Trung tâm xử lý Bom Mìn và xây dựng, Công ty TN HHMTV 622, Quân khu 9	1974	9/1992	Xã Hải Châu, huyện Tĩnh Gia, tỉnh Thanh Hóa
42.	Trần Mạnh Hùng	Thiếu tá CN	Đội phó, Đội Cơ giới, Chi nhánh Công ty 622, Xi nhiệp Công trình Giao thông, Thủy lợi, Quân khu 9	1970	3/1992	Xã Bình Hòa, huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre
43.	Phan Thanh Phong	Trung tá	Trung đoàn trưởng, Trung đoàn 3, Sư đoàn BB 330, Quân khu 9	1974	9/1992	Xã Định Trung, huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre
44.	Nguyễn Xuân Huy	Trung tá	Phó Chính ủy, Trung đoàn 3, Sư đoàn BB 330, Quân khu 9	1973	9/1992	Xã Nga Nhân, huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh Hóa
45.	Trần Hậu Hải	Thiếu tá	Trợ lý Chính sách, Ban Chính trị, Trung đoàn 3, Sư đoàn BB 330, Quân khu 9	1973	9/1992	Xã Ngọc Sơn, huyện Thạch Hà, tỉnh Hà Tĩnh

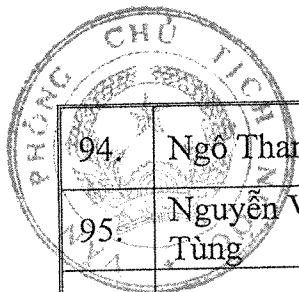
46.	Lê Long Đảm	Thượng tá	Trung đoàn Trưởng, Trung đoàn 1, Sư đoàn BB330, Quân khu 9	1974	9/1992	Xã Thạnh Trị, huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre
47.	Bùi Văn Soạn	Trung Tá	Chỉ huy trưởng, Trường bắn Chi Lăng, Sư đoàn BB330, Quân khu 9	1971	9/1992	Xã Mỹ Cẩm, huyện Càng Long, tỉnh Trà Vinh
48.	Đình Văn Thắng	Thượng tá	Chính úy, Trung đoàn 1, Sư đoàn BB 330, Quân khu 9	1973	9/1992	Xã Hòa Lợi, huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre
49.	Phạm Văn Hia	Thượng tá	Chính úy, Trung đoàn 20, Sư đoàn BB330, Quân khu 9	1974	02/1992	Xã Mỹ Thạnh Trung, huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long
50.	Đỗ Minh Khương	Trung tá	Phó Chính úy, Trung đoàn 20, Sư đoàn BB330, Quân khu 9	1973	3/1992	Xã Lê Hồng, huyện Thanh Miện, tỉnh Hải Dương
51.	Phạm Phong Thầu	Thiếu tá CN	Y sỹ, Đại đội 24 Quân y, Trung đoàn 20, Sư đoàn BB330, Quân khu 9	1973	9/1992	Xã Khánh Thủy, huyện Yên Khánh, tỉnh Ninh Bình
52.	Huỳnh Dư Trung	Trung tá	Trợ lý, Ủy ban kiểm tra Đảng ủy Sư đoàn BB330, Quân khu 9	1974	9/1992	Xã An Bình Tây, huyện Ba Tri, tỉnh Bến Tre
53.	Trần Văn Hùng	Đại úy CN	Lái xe, Phòng Hậu cần, Sư đoàn BB330, Quân khu 9	1973	02/1992	Xã Đông Phước, huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang
54.	Bùi Khánh Hân	Đại úy CN	Bác sỹ, Tiểu đoàn 24 Quân y, Sư đoàn BB330, Quân khu 9	1970	02/1992	Xã Hòa Nghĩa, huyện Chợ Lách, tỉnh Bến Tre
55.	Phạm Ngọc Trường	Trung tá	Chính trị viên, Tiểu đoàn 1, Lữ đoàn Thông tin 29, Quân khu 9	1972	9/1992	Xã Thọ Lộc, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa
56.	Nguyễn Xuân Toàn	Trung tá	Phó Chủ nhiệm UBKT, Lữ đoàn PPK 226, Quân khu 9	1972	9/1992	Xã Việt Hùng, huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội
57.	Nguyễn Anh Tuấn	Trung tá	Chính trị viên, Tiểu đoàn 6, Lữ đoàn PPK 226, Quân khu 9	1973	8/1992	Xã Hải Minh, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định
58.	Nguyễn Văn Châu	Thiếu tá CN	Nhân viên Tài chính, Tiểu đoàn 18, Lữ đoàn PPK 226, Quân khu 9	1973	9/1992	Xã Hợp Tiến, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa
59.	Hoàng Thế Quyền	Đại úy CN	Lái xe, Tiểu đoàn PPK 145, Lữ đoàn PPK 226, Quân khu 9	1974	3/1992	Xã Hải Nam, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định
60.	Võ Văn Phương	Thượng tá	Phó Chủ nhiệm Chính trị, Bộ CHQS tỉnh Hậu Giang, Quân khu 9	1974	01/1992	Xã Hòa Tiến, thành phố Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang
61.	Huỳnh Văn Thép	Thượng tá	Chính trị viên, Ban CHQS huyện Châu Thành, Bộ CHQS tỉnh Hậu Giang, Quân khu 9	1974	01/1992	Xã Vĩnh Thuận Đông, huyện Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang



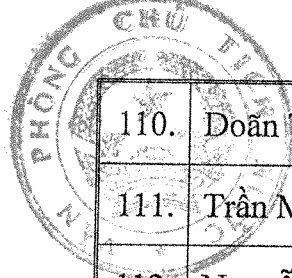
62.	Nguyễn Văn Tính	Thượng tá	Chỉ huy trưởng, Ban CHQS huyện Châu Thành, Bộ CHQS tỉnh Hậu Giang, Quân khu 9	1974	9/1992	Xã Phú Hữu, huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang
63.	Đào Xuân Bách	Thượng tá	Chính trị viên, Ban CHQS huyện Châu Thành A, Bộ CHQS tỉnh Hậu Giang, Quân khu 9	1973	02/1992	Xã Kỳ Giang, huyện Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh
64.	Phạm Văn Thân	Thượng tá	Chỉ huy trưởng, Ban CHQS huyện Vị Thủy, Bộ CHQS tỉnh Hậu Giang, Quân khu 9	1974	02/1992	Xã Lâm Tân, huyện Thạnh Trị, tỉnh Sóc Trăng
65.	Phạm Văn Giàu	Thượng tá	Chính trị viên, Ban CHQS huyện Vị Thủy, Bộ CHQS tỉnh Hậu Giang, Quân khu 9	1973	01/1992	Xã Xà Phiên, huyện Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang
66.	Nguyễn Minh Phương	Trung tá	Tiểu đoàn trưởng, Tiểu đoàn KTT, Ban CHQS huyện Châu Thành, Bộ CHQS tỉnh Hậu Giang, Quân khu 9	1974	02/1992	Xã Đông Thạnh, huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang
67.	Trần Quốc Tuấn	Trung tá	Trợ lý Công binh, Phòng Tham mưu, Bộ CHQS tỉnh Hậu Giang, Quân khu 9	1973	3/1992	Xã Xuân Lam, huyện Nghi Xuân, tỉnh Hà Tĩnh
68.	Trần Văn Phim	Thiếu tá	Trợ lý Quân khí, Ban CHQS huyện Vị Thủy, Bộ CHQS tỉnh Hậu Giang, Quân khu 9	1972	01/1992	Xã Thuận Hòa, huyện Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang
69.	Trương Minh Thành	Thiếu tá	Trợ lý Quân khí, Ban CHQS huyện Châu Thành, Bộ CHQS tỉnh Hậu Giang, Quân khu 9	1973	3/1992	Xã Phú An, huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang
70.	Lê Xuân Danh	Trung tá	Chính trị viên, Tiểu đoàn 14, Sư đoàn BB4, Quân khu 9	1973	02/1992	Thị trấn Hậu Lộc, huyện Hậu Lộc, tỉnh Thanh Hóa
71.	Nguyễn Văn Quang	Trung tá	Phó Tham mưu trưởng, Trung đoàn BB10, Sư đoàn BB4, Quân khu 9	1973	3/1992	Xã Mỹ Hạnh Đông, thị xã Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang
72.	Trần Văn Long	Trung tá	Tiểu đoàn trưởng, Tiểu đoàn 2, Trung đoàn 2, Sư đoàn BB4, Quân khu 9	1972	02/1992	Xã Hoàng Long, huyện Phú Xuyên, thành phố Hà Nội
73.	Nguyễn Cao Thăng	Thượng tá	Trung đoàn trưởng, Trung đoàn 10, Sư đoàn BB4, Quân khu 9	1973	3/1992	Xã Tân Phước, huyện Tân Hồng, tỉnh Đồng Tháp
74.	Nguyễn Minh Toàn	Thượng tá	Trợ lý Tổ chức - Biên chế, Phòng Quân lực, Bộ Tham mưu, Quân khu 9	1974	3/1992	Xã Bình Phú, huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang
75.	Nguyễn Văn Phương	Trung tá CN	Trợ lý Trang bị, Phòng Quân lực, Bộ Tham mưu, Quân khu 9	1973	02/1992	Xã Tân Quới, huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long
76.	Lê Thanh Bình	Trung tá CN	Nhân viên Thống kê Quân lực, Phòng Quân lực, Bộ Tham mưu, Quân khu 9	1973	3/1992	Xã Quang Phú, thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình
77.	Nguyễn Văn Nam	Trung tá	Trợ lý, Phòng Hóa học, Bộ Tham mưu, Quân khu 9	1970	02/1992	Xã Minh Hòa, huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình



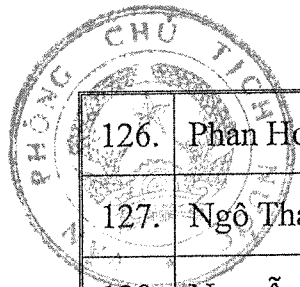
78.	Nguyễn Phúc Giang	Trung tá	Trợ lý, Phòng Phòng không, Bộ Tham mưu, Quân khu 9	1973	02/1992	Xã Vĩnh Thạnh, huyện Lập Vò, tỉnh Đồng Tháp
79.	Sơn Thanh Trang	Thiếu tá CN	Huân luyện viên, Trung tâm TĐTT Quốc phòng 4, Bộ Tham mưu, Quân khu 9	1972	7/1992	Xã Lương Hòa, huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh
80.	Phan Anh Tuấn	Thiếu tá CN	Huân luyện viên, Trung tâm TĐTT Quốc phòng 4, Bộ Tham mưu, Quân khu 9	1973	7/1992	Xã Long Khánh, thị xã Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang
81.	Ngô Văn Thuấn	Thiếu tá CN	Nhân viên Văn thư - Bảo mật, Trung tâm TĐTT Quốc phòng 4, Bộ Tham mưu, Quân khu 9	1970	3/1992	Xã Song Phú, huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long
82.	Huỳnh Kim Tuấn	Trung tá	Trưởng Ban Bảo vệ, Phòng Chính trị, Bộ CHQS tỉnh Tiền Giang, Quân khu 9	1971	3/1992	Xã Thiện Trí, huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang
83.	Huỳnh Ngọc Hiệp	Trung tá	Trưởng ban Tuyên huấn, Phòng Chính trị, Bộ CHQS tỉnh Tiền Giang, Quân khu 9	1974	8/1992	Xã Tân Xuân, huyện Ba Tri, tỉnh Bến Tre
84.	Phạm Kinh Tùng	Đại úy CN	Lái xe, Phòng Hậu cần, Bộ CHQS tỉnh Tiền Giang, Quân khu 9	1974	3/1992	Xã Thanh Hải, huyện Thanh Liêm, tỉnh Hà Nam
85.	Nguyễn Văn Thành	Thiếu tá CN	Trưởng Kho, Đơn vị K1, Phòng Kỹ thuật, Bộ CHQS tỉnh Tiền Giang, Quân khu 9	1972	3/1992	Xã Đăng Hưng Phước, huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang
86.	Trần Văn Hải	Thượng tá	Chánh Văn phòng, Bộ CHQS tỉnh Tiền Giang, Quân khu 9	1966	9/1992	Xã Phú Tân, huyện Tân Phú Đông, tỉnh Tiền Giang
87.	Phan Quốc Đỉnh	Thiếu tá CN	Nhân viên Tài chính Văn phòng, Bộ CHQS tỉnh Tiền Giang, Quân khu 9	1973	3/1992	Xã Nhị Mỹ, huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang
88.	Lê Văn Tư	Đại úy CN	Lái xe, Văn phòng, Bộ CHQS tỉnh Tiền Giang, Quân khu 9	1975	3/1992	Xã Long An, huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang
89.	Nguyễn Văn Lo	Đại úy CN	Lái xe, Văn phòng, Bộ CHQS tỉnh Tiền Giang, Quân khu 9	1972	5/1992	Xã Hội Cư, huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang
90.	Hàng Nhật Hoàng	Đại úy CN	Lái xe, Văn phòng, Bộ CHQS tỉnh Tiền Giang, Quân khu 9	1975	3/1992	Xã Giao Hòa, huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre
91.	Nguyễn Văn Bông	Thượng úy CN	Lái xe, Văn phòng, Bộ CHQS tỉnh Tiền Giang, Quân khu 9	1973	8/1992	Xã Tam Hiệp, huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang
92.	Huỳnh Thanh Bình	Thượng tá	Phó Hiệu trưởng, Trường Quân sự, Bộ CHQS tỉnh Tiền Giang, Quân khu 9	1971	11/1992	Xã Đồng Sơn, huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang
93.	Cao Minh Ngọc	Trung tá	Trợ lý Dân quân, Ban CHQS huyện Châu Thành, Bộ CHQS tỉnh Tiền Giang, Quân khu 9	1968	02/1992	Xã Long Hưng, huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang



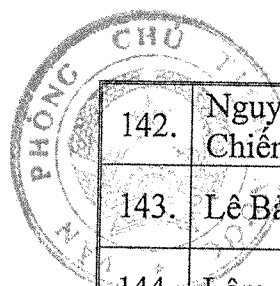
94.	Ngô Thanh Hùng	Thượng tá	Chính trị viên, Ban CHQS huyện Cai Lậy, Bộ CHQS tỉnh Tiền Giang, Quân khu 9	1966	9/1992	Xã Phú An, huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang
95.	Nguyễn Văn Tùng	Thượng tá	Chính trị viên phó, Ban CHQS huyện Cai Lậy, Bộ CHQS tỉnh Tiền Giang, Quân khu 9	1972	3/1992	Xã Mỹ Thành Nam, huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang
96.	Hà Văn Phước	Trung tá	Phó Chỉ huy trưởng - TMT, Bộ CHQS tỉnh Tiền Giang, Quân khu 9	1973	02/1992	Xã Mỹ Phước, huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang
97.	Nguyễn Văn Hùng	Trung tá	Chính trị viên phó, Ban CHQS thị Xã Cai Lậy, Bộ CHQS tỉnh Tiền Giang, Quân khu 9	1973	3/1992	Xã Dưỡng Điềm, huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang
98.	Huỳnh Ngọc Minh	Trung tá	Phó Chỉ huy trưởng - TMT, Ban CHQS thị Xã Cai Lậy, Bộ CHQS tỉnh Tiền Giang, Quân khu 9	1972	3/1992	Xã Dưỡng Điềm, huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang
99.	Nguyễn Thanh Hồng	Trung tá	Trưởng ban Hậu cần - Kỹ thuật, Ban CHQS thị Xã Cai Lậy, Bộ CHQS tỉnh Tiền Giang, Quân khu 9	1968	9/1992	Xã Thiện Trung, huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang
100.	Trần Công Thành	Trung tá	Chính trị viên, Ban CHQS huyện Tân Phước, Bộ CHQS tỉnh Tiền Giang, Quân khu 9	1974	9/1992	Xã Bình Đông, thị xã Gò Công, tỉnh Tiền Giang
101.	Phạm Văn Thanh	Thượng tá	Chỉ huy trưởng, Ban CHQS thành phố Mỹ Tho, Bộ CHQS tỉnh Tiền Giang, Quân khu 9	1971	11/1992	Xã Mỹ Phong, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang
102.	Trần Văn Năm	Trung tá	Tiểu đoàn trưởng KTT, Ban CHQS huyện Gò Công Đông, Bộ CHQS tỉnh Tiền Giang, Quân khu 9	1966	9/1992	Xã Bình Ninh, huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang
103.	Lê Văn Tèo	Thượng tá	Chính trị viên, Ban CHQS huyện Gò Công Tây, Bộ CHQS tỉnh Tiền Giang, Quân khu 9	1967	9/1992	Xã Tân Thới, huyện Tân Phú Đông, tỉnh Tiền Giang
104.	Đình Văn Bình	Trung tá	Phó Chỉ huy trưởng - TMT, Ban CHQS huyện Gò Công Tây, Bộ CHQS tỉnh Tiền Giang, Quân khu 9	1969	3/1988 11/1992	Xã Đồng Sơn, huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang
105.	Lý Ngọc Hải	Trung tá	Chủ nhiệm Hậu cần - Kỹ thuật, Ban CHQS huyện Gò Công Tây, Bộ CHQS tỉnh Tiền Giang, Quân khu 9	1968	8/1987 11/1992	Xã Vĩnh Hựu, huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang
106.	Nguyễn Châu Tính	Đại úy CN	Nhân viên Văn thư - Bảo mật, Ban CHQS huyện Gò Công Tây, Bộ CHQS tỉnh Tiền Giang, Quân khu 9	1974	10/1992	Xã Đăng Hưng Phước, huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang
107.	Trần Văn Lành	Thượng tá	Trưởng ban Dân quân tự vệ, Phòng Tham mưu, Bộ CHQS tỉnh Đồng Tháp, Quân khu 9	1965	9/1992	Phường 4, thành phố Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp
108.	Nguyễn Thiện Lộc	Trung tá	Giáo viên Chính trị, Trường quân sự, Bộ CHQS tỉnh Đồng Tháp, Quân khu 9	1967	8/1992	Xã Long Hậu, huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp
109.	Ngô Xuân Lịch	Trung tá	Trợ lý Kế hoạch, Trường quân sự, Bộ CHQS tỉnh Đồng Tháp, Quân khu 9	1974	9/1992	Xã Vĩnh Yên, huyện Vĩnh Lộc, tỉnh Thanh Hóa



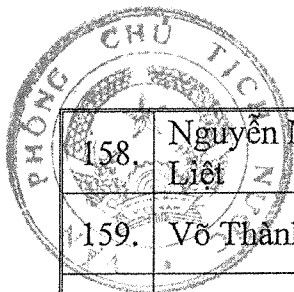
110.	Doãn Thanh Hiền	Thiếu tá CN	Nhân viên cơ yếu, Ban CHQS huyện Hồng Ngự, Bộ CHQS tỉnh Đồng Tháp, Quân khu 9	1973	10/1992	Xã Minh Khai, huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình
111.	Trần Minh Phụng	Trung tá	Chính trị viên phó, Ban CHQS huyện Thanh Bình, Bộ CHQS tỉnh Đồng Tháp, Quân khu 9	1970	11/1992	Xã Tân Huệ, huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp
112.	Nguyễn Hữu Tân	Trung tá	Phó Chỉ huy trưởng, Ban CHQS huyện Cao Lãnh, Bộ CHQS tỉnh Đồng Tháp, Quân khu 9	1973	9/1992	Xã Mỹ Hội, huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp
113.	Trương Hồng Luận	Thiếu tá CN	Bác sỹ, Đại đội Quân y, Phòng Hậu cần, Lữ đoàn 950, Quân khu 9	1972	3/1992	Xã Thới Hòa, quận Ô Môn, thành phố Cần Thơ
114.	Phạm Văn Hùng	Đại úy CN	Thợ sửa chữa Cơ tăng, Đại đội 31, Tiểu đoàn 557, Lữ đoàn 950, Quân khu 9	1973	02/1992	Xã Tân Cương, huyện Vĩnh Tường, tỉnh Vĩnh Phúc
115.	Trần Khánh Nhật	Trung tá	Chính trị viên Tiểu đoàn, Tiểu đoàn Pháo Phòng không, Lữ đoàn 950, Quân khu 9	1972	02/1992	Xã Sơn Phú, huyện Hương Sơn, tỉnh Hà Tĩnh
116.	Lê Vũ Phương	Đại úy CN	Y sỹ, Đại đội Quân y, Phòng Hậu cần, Lữ đoàn 950, Quân khu 9	1972	3/1992	Xã Cửa Dương, huyện Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang
117.	Trần Quốc Khánh	Trung tá	Phó Tham mưu trưởng, Phòng Tham mưu, Lữ đoàn Công binh 25, Quân khu 9	1972	3/1992	Xã Đức Hợp, huyện Kim Động, tỉnh Hưng Yên
118.	Lê Thị Thu Hiền	Thiếu tá CN	Nhân viên Văn thư, bảo mật, Phòng Tham mưu, Lữ đoàn Công binh 25, Quân khu 9	1967	9/1992	Xã Đức Nhân, huyện Đức Thọ, tỉnh Hà Tĩnh
119.	Đình Văn Ứng	Thiếu tá	Phó Chủ nhiệm Hậu cần, Phòng Hậu cần, Lữ đoàn Công binh 25, Quân khu 9	1974	02/1992	Xã Khánh An, huyện Yên Khánh, tỉnh Ninh Bình
120.	Cao Văn Hoan	Thiếu tá CN	Lái xe, Phòng Hậu cần, Lữ đoàn Công binh 25, Quân khu 9	1972	02/1992	Xã Xuân Phú, huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang
121.	Cao Thị The	Thiếu tá CN	Nhân viên quân y, Phòng Hậu cần, Lữ đoàn Công binh 25, Quân khu 9	1966	10/1992	Xã Thanh Phong, huyện Thanh Liêm, tỉnh Hà Nam
122.	Nguyễn Thị Kim Loan	Thiếu tá CN	Chiến sỹ nuôi quân, Phòng Kỹ thuật, Lữ đoàn Công binh 25, Quân khu 9	1968	9/1992	Xã Tân Thạch, huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre
123.	Vi Đức Hân	Trung tá	Tiểu đoàn trưởng, Tiểu đoàn 1, Lữ đoàn Công binh 25, Quân khu 9	1975	8/1992	Phường Vạn Xuân, thành phố Móng Cái, tỉnh Quảng Ninh
124.	Trần Thế Dân	Đại úy CN	Nhân viên xe máy, Tiểu đoàn 1, Lữ đoàn Công binh 25, Quân khu 9	1974	9/1992	Phường Văn An, thị xã Chí Linh, tỉnh Hải Dương
125.	Nguyễn Văn Ưu	Đại úy CN	Chiến sỹ lái máy, Tiểu đoàn 1, Lữ đoàn Công binh 25, Quân khu 9	1971	5/1992	Xã Mỹ Hội, huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang



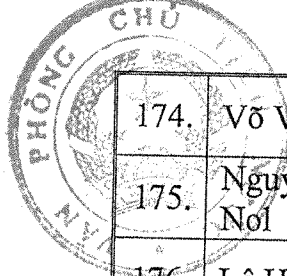
126.	Phan Hoàng Hôn	Thượng tá	Chỉ huy trưởng, Ban CHQS huyện Đông Hải, Bộ CHQS tỉnh Bạc Liêu, Quân khu 9	1973	3/1992	Xã Tân Hưng Đông, huyện Cái Nước, tỉnh Cà Mau
127.	Ngô Thanh Lâm	Trung tá	Phó Chỉ huy trưởng, Ban CHQS huyện Đông Hải, Bộ CHQS tỉnh Bạc Liêu, Quân khu 9	1971	3/1992	Xã Khánh Bình Đông, huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau
128.	Nguyễn Văn Đủ	Trung tá	Phó Chỉ huy trưởng, Ban CHQS huyện Đông Hải, Bộ CHQS tỉnh Bạc Liêu, Quân khu 9	1964	02/1992	Xã Long Điền Đông, huyện Đông Hải, tỉnh Bạc Liêu
129.	Ngô Hoàng Thăng	Thượng tá	Phó Hiệu trưởng, trường Quân sự, Bộ CHQS tỉnh Bạc Liêu, Quân khu 9	1966	02/1992	Xã Thới Thuận, huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre
130.	Nguyễn Văn Hoài	Thiếu tá CN	Nhân viên Văn thư, Bảo mật, Văn phòng Bộ CHQS tỉnh, Bộ CHQS tỉnh Bến Tre, Quân khu 9	1975	4/1992	Xã Mỹ An, huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre
131.	Trần Quang Khánh	Thượng tá	Phó Chủ nhiệm Chính trị, Phòng Chính trị, Bộ CHQS tỉnh Bến Tre, Quân khu 9	1962	02/1992	Xã Long Thới, huyện Chợ Lách, tỉnh Bến Tre
132.	Trần An Giang	Trung tá	Tiểu đoàn Trưởng, Trung đoàn 895, Bộ CHQS tỉnh Bến Tre, Quân khu 9	1974	01/1992	Xã Lương Hòa, huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre
133.	Đoàn Thị Hồng Nga	Thiếu tá CN	Nhân viên Văn thư-Bảo mật, Ban CHQS huyện Châu Thành, Bộ CHQS tỉnh Bến Tre, Quân khu 9	1968	5/1992	Xã Thành Thới B, huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre
134.	Phạm Minh Bi	Thiếu tá CN	Nhân viên Quân nhu, Phòng Hậu cần, Bộ CHQS tỉnh Bến Tre, Quân khu 9	1974	01/1992	Xã An Phước, huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre
135.	Nguyễn Văn Bé Bảy	Thiếu tá CN	Nhân viên Nhà Văn hóa, Phòng Chính trị, Bộ CHQS tỉnh Bến Tre, Quân khu 9	1973	01/1992	Xã Tân Thành Bình, huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre
136.	Nguyễn Chí Hùng	Trung tá	Trưởng ban Bảo vệ- An ninh, Phòng Chính trị, Bộ CHQS tỉnh Bến Tre, Quân khu 9	1971	01/1992	Xã An Thới, huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre
137.	Lê Long Hồ	Thượng tá	Chánh Thanh tra Quốc phòng, Bộ CHQS tỉnh Sóc Trăng, Quân khu 9	1969	9/1992	Xã Mỹ Hương, huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng
138.	Nguyễn Thanh Phương	Trung tá	Trưởng ban Khoa học Quân sự, Bộ CHQS tỉnh Sóc Trăng, Quân khu 9	1971	02/1992	Phường Vĩnh Phước, thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng
139.	Nguyễn Hoàng Nam	Trung tá	Trưởng Ban Dân quân tự vệ, Phòng Tham mưu, Bộ CHQS tỉnh Sóc Trăng, Quân khu 9	1970	9/1992	Xã Lâm Tân, huyện Thạnh Trị, tỉnh Sóc Trăng
140.	Trần Văn Mỹ	Thiếu tá	Trưởng Ban Cơ yếu, Phòng Tham mưu, Bộ CHQS tỉnh Sóc Trăng, Quân khu 9	1974	9/1992	Xã Định Hòa, huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp
141.	Đỗ Văn Sơn	Thiếu tá CN	Nhân viên Ban Cơ yếu, Phòng Tham mưu, Bộ CHQS tỉnh Sóc Trăng, Quân khu 9	1973	9/1992	Xã Long Đức, huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng



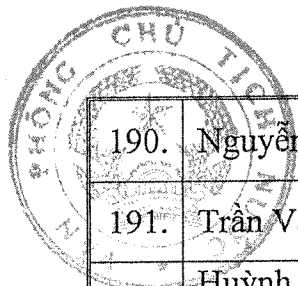
142.	Nguyễn Văn Chiến	Đại úy CN	Lái xe, Văn phòng Bộ CHQS tỉnh Sóc Trăng, Quân khu 9	1974	9/1992	Xã An Lạc Thôn, huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng
143.	Lê Bảo Thay	Đại úy CN	Lái xe, Văn phòng Bộ CHQS tỉnh Sóc Trăng, Quân khu 9	1973	02/1992	Xã Thuận Hưng, huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng
144.	Lâm Anh Hùng	Thượng tá	Phó Chủ nhiệm Chính trị, Bộ CHQS tỉnh Sóc Trăng, Quân khu 9	1966	02/1992	Xã Trường Khánh, huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng
145.	Son Vuoi	Thiếu tá	Trợ lý Quân y, Phòng Hậu cần, Bộ CHQS tỉnh Sóc Trăng, QK 9	1970	9/1992	Xã Đại Ân 2, huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng
146.	La Công Viễn	Thiếu tá CN	Nhân viên, Ban Tài chính, Bộ CHQS tỉnh Sóc Trăng, Quân khu 9	1972	01/1992	Xã Thới An Hội, huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng
147.	Nguyễn Văn Thái	Thiếu tá CN	Nhân viên Tài chính, Phòng Hậu cần, Bộ CHQS tỉnh Sóc Trăng, Quân khu 9	1971	02/1992	Thị trấn Mỹ Xuyên, huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng
148.	Trương Chí Hiếu	Trung tá	Trưởng Ban Hậu cần - Kỹ thuật, Trường Quân sự, Bộ CHQS tỉnh Sóc Trăng, Quân khu 9	1974	01/1992	Xã Phong Năm, huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng
149.	Cao Triều Vũ	Thiếu tá CN	Nhân viên Quân lực, Trung đoàn 897, Bộ CHQS tỉnh Sóc Trăng, Quân khu 9	1974	9/1992	Phường Vĩnh Phước, thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng
150.	Trương Thanh Cương	Đại úy CN	Nhân viên nấu ăn, Trung đoàn 897, Bộ CHQS tỉnh Sóc Trăng, Quân khu 9	1971	01/1992	Xã Gia Hòa 1, huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng
151.	Nguyễn Thành Oai	Trung tá	Phó Chỉ huy trưởng, Ban CHQS thị xã Ngã Năm, Bộ CHQS tỉnh Sóc Trăng, Quân khu 9	1968	9/1992	Xã Mỹ Quới, thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng
152.	Phan Quốc Tuấn	Thượng tá	Chỉ huy trưởng, Ban CHQS huyện Cù Lao Dung, Bộ CHQS tỉnh Sóc Trăng, Quân khu 9	1969	9/1992	Xã An Thạnh Đông, huyện Cù Lao Dung, tỉnh Sóc Trăng
153.	Trần Thanh Lâm	Trung tá	Phó Chỉ huy trưởng - TMT, Ban CHQS huyện Cù Lao Dung, Bộ CHQS tỉnh Sóc Trăng, Quân khu 9	1970	9/1992	Xã Hòa Đông, thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng
154.	Nguyễn Văn Nghiệm	Trung tá	Tiểu đoàn trưởng KTT, Ban CHQS huyện Thạnh Trị, Bộ CHQS tỉnh Sóc Trăng, Quân khu 9	1970	9/1992	Phường 2, thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng
155.	Phạm Văn Bảy	Thượng tá	Tiểu đoàn trưởng KTT, Ban CHQS huyện Long Phú, Bộ CHQS tỉnh Sóc Trăng, Quân khu 9	1967	10/1992	Xã Long Đức, huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng
156.	Thạch Hiền	Trung tá	Phó Chỉ huy trưởng - TMT, Ban CHQS huyện Châu Thành, Bộ CHQS tỉnh Sóc Trăng, Quân khu 9	1965	9/1992	Xã Thuận Hưng, huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng
157.	Nguyễn Thanh Vũ	Trung tá	Phó Chỉ huy trưởng, Ban CHQS huyện Châu Thành, Bộ CHQS tỉnh Sóc Trăng, Quân khu 9	1973	9/1992	Xã An Lạc Tây, huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng



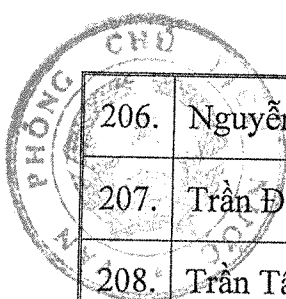
158.	Nguyễn Minh Liệt	Thượng tá	Phó Chỉ huy trưởng - TMT, Ban CHQS thị xã Vĩnh Châu, Bộ CHQS tỉnh Sóc Trăng, Quân khu 9	1971	9/1992	Phường Vĩnh Phước, thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng
159.	Võ Thánh Lộc	Trung tá	Chính trị viên phó, Ban CHQS thị xã Vĩnh Châu, Bộ CHQS tỉnh Sóc Trăng, Quân khu 9	1970	9/1992	Phường Vĩnh Phước, thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng
160.	Lai Văn Sự	Trung tá	Phó Chỉ huy trưởng, Ban CHQS thị xã Vĩnh Châu, Bộ CHQS tỉnh Sóc Trăng, Quân khu 9	1970	02/1992	Xã Vĩnh Hiệp, thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng
161.	Quách Văn Chiến	Trung tá	Tiểu đoàn trưởng KTT, Ban CHQS thị xã Vĩnh Châu, Bộ CHQS tỉnh Sóc Trăng, Quân khu 9	1971	11/1992	Xã Lai Hòa, thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng
162.	Phạm Thanh Kỳ	Thượng tá	Phó Tham mưu trưởng, Bộ CHQS tỉnh An Giang, Quân khu 9	1966	02/1992	Xã Long Sơn, huyện Phú Tân, tỉnh An Giang
163.	Nguyễn Phước Lộc	Trung tá	Trợ lý Dân quân tự vệ, Phòng Tham mưu, Bộ CHQS tỉnh An Giang, Quân khu 9	1974	6/1992	Xã Mỹ Khánh, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang
164.	Võ Văn Tài	Đại úy CN	Lái xe, Trung đội Vận tải, Phòng Hậu cần, Bộ CHQS tỉnh An Giang, Quân khu 9	1972	3/1992	Xã Bình Thạnh Đông, huyện Phú Tân, tỉnh An Giang
165.	Trần Văn Tuấn	Thiếu tá CN	Trợ lý Quân khí, Phòng Kỹ thuật, Bộ CHQS tỉnh An Giang, Quân khu 9	1974	3/1992	Xã Long An, thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang
166.	Trần Văn Hiền	Thượng tá	Chính ủy, Trung đoàn 892, Bộ CHQS tỉnh An Giang, Quân khu 9	1974	3/1992	Xã Hiếu Thành, huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long
167.	Nguyễn Văn Đình	Thiếu tá	Nhân viên Thống kê, Ban Chính trị, Trung đoàn 892, Bộ CHQS tỉnh An Giang, Quân khu 9	1973	02/1992	Xã Cần Kiệm, huyện Thạch Thất, thành phố Hà Nội
168.	Lê Văn Út	Trung tá	Chính trị viên, Tiểu đoàn 510, Trung đoàn 892, Bộ CHQS tỉnh An Giang, Quân khu 9	1974	6/1992	Thị trấn Ba Chúc, huyện Tri Tôn, tỉnh An Giang
169.	Huỳnh Ngọc Tuyên	Trung tá	Trợ lý Cán bộ, Ban CHQS huyện Tịnh Biên, Bộ CHQS tỉnh An Giang, Quân khu 9	1969	02/1992	Xã Tân Thành, huyện Lương Sơn, tỉnh Hòa Bình
170.	Võ Văn Hùng	Thượng tá	Phó Chỉ huy trưởng, Ban CHQS huyện Chợ Mới, Bộ CHQS tỉnh An Giang, Quân khu 9	1965	02/1992	Xã Long Giang, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang
171.	Hồ Thanh Hữu	Thiếu tá CN	Y sĩ, Ban CHQS huyện Chợ Mới, Bộ CHQS tỉnh An Giang, Quân khu 9	1970	5/1992	Xã Mỹ Hiệp, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang
172.	Nguyễn Phước Hùng	Thượng tá	Chỉ huy trưởng, Ban CHQS huyện Chợ Mới, Bộ CHQS tỉnh An Giang, Quân khu 9	1969	02/1992	Xã Tân Mỹ, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang
173.	Nguyễn Văn Hiền	Thượng tá	Chỉ huy trưởng, Ban CHQS thị xã Tân Châu, Bộ CHQS tỉnh An Giang, Quân khu 9	1972	02/1992	Xã Ninh Hòa, huyện Hồng Dân, tỉnh Bạc Liêu



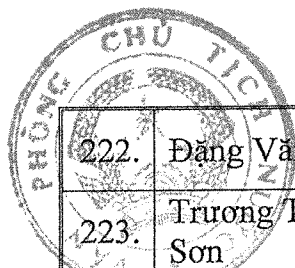
174.	Võ Văn Lập	Trung tá	Chính trị viên phó, Ban CHQS thị xã Tân Châu, Bộ CHQS tỉnh An Giang, Quân khu 9	1974	6/1992	Xã Tân Thạnh, thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang
175.	Nguyễn Thanh Nối	Trung tá	Tiểu đoàn trưởng, Ban CHQS huyện Châu Phú, Bộ CHQS tỉnh An Giang, Quân khu 9	1973	3/1992	Xã Khánh Hòa, huyện U Minh, tỉnh Cà Mau
176.	Lê Hồng Thái	Trung tá	Trưởng ban Hậu cần - Kỹ thuật, Ban CHQS huyện Châu Phú, Bộ CHQS tỉnh An Giang, Quân khu 9	1965	02/1992	Xã Mỹ Đức, huyện Châu Phú, tỉnh An Giang
177.	Lý Văn Bình	Trung tá	Phó Chỉ huy trưởng, Ban CHQS huyện Tri Tôn, Bộ CHQS tỉnh An Giang, Quân khu 9	1974	3/1992	Xã Vĩnh Gia, huyện Tri Tôn, tỉnh An Giang
178.	Nguyễn Văn Tính	Trung tá	Phó Chỉ huy trưởng -TMT, Ban CHQS huyện Tri Tôn, Bộ CHQS tỉnh An Giang, Quân khu 9	1974	6/1992	Xã Đông Thái, huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang
179.	Châu Huy Thanl	Thiếu tá CN	Trợ lý Chính sách - Dân vận, Đội K93, Bộ CHQS tỉnh An Giang, Quân khu 9	1973	3/1992	Xã Vĩnh Trung, huyện Tịnh Biên, tỉnh An Giang
180.	Chiêm Thông Nhất	Thượng tá	Phó Chỉ huy trưởng - TMT Bộ CHQS thành phố Cần Thơ, Quân khu 9	1974	9/1992	Xã Vĩnh Viễn, huyện Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang
181.	Cao Phong	Thượng tá	Chánh Văn phòng, Bộ CHQS thành phố Cần Thơ, Quân khu 9	1971	01/1992	Xã Tân Phước Hưng, huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang
182.	Phạm Ngọc Thuận	Thượng tá	Chỉ huy trưởng, Ban CHQS quận Ô Môn, Bộ CHQS thành phố Cần Thơ, Quân khu 9	1965	11/1992	Phường Châu Văn Liêm, quận Ô Môn, thành phố Cần Thơ
183.	Nguyễn Việt Triều	Trung tá	Phó Chánh Văn phòng, Bộ CHQS thành phố Cần Thơ, Quân khu 9	1975	9/1992	Xã Tân Trung, huyện Đầm Dơi, tỉnh Cà Mau
184.	Võ Thành Chiến	Trung tá	Phó ban Quân lực, Phòng Tham mưu Bộ CHQS thành phố Cần Thơ, Quân khu 9	1973	3/1992	Phường Thới An Đông, quận Bình Thủy, thành phố Cần Thơ
185.	Lê Ngọc Thiết	Trung tá	Trợ lý Quân lực, Phòng Tham mưu Bộ CHQS thành phố Cần Thơ, Quân khu 9	1972	9/1992	Xã Định An, huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp
186.	Nguyễn Tài Triệu	Trung tá	Phó Chủ nhiệm Hậu cần, Bộ CHQS thành phố Cần Thơ, Quân khu 9	1972	02/1992	Xã Hiệp Hưng, huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang
187.	Lê Nhựt Đăng Khoa	Trung tá	Phó Hiệu trưởng, Trường Quân sự, Bộ CHQS thành phố Cần Thơ, Quân khu 9	1973	02/1992	Xã Nhơn Nghĩa, huyện Phong Điền, thành phố Cần Thơ
188.	Trần Lê Việt Nhân	Trung tá	Trưởng khoa Giáo viên, Trường Quân sự Bộ CHQS thành phố Cần Thơ, Quân khu 9	1973	3/1992	Xã Tân Lộc, quận Thốt Nốt, thành phố Cần Thơ
189.	Trần Văn Lít	Đại úy	Trợ lý Hành chính Quân lực, Trường Quân sự Bộ CHQS thành phố Cần Thơ, Quân khu 9	1974	02/1992	Xã Tân Phú, thị xã Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang



190.	Nguyễn Văn Hải	Thượng úy	Nhân viên Lái xe, Văn phòng, Bộ CHQS thành phố Cần Thơ, Quân khu 9	1972	02/1992	Thị trấn Gạch Gỏi, huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang
191.	Trần Văn Nghị	Thiếu tá CN	Nhân viên Quân nhu, Phòng Hậu cần, Bộ CHQS thành phố Cần Thơ, Quân khu 9	1965	8/1992	Xã Nhơn Nghĩa A, huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang
192.	Huỳnh Thanh Tùng	Thượng tá	Phó Hiệu trưởng, Trường Quân sự Bộ CHQS thành phố Cần Thơ, Quân khu 9	1967	02/1992	Xã Trường Thành, huyện Thới Lai, thành phố Cần Thơ
193.	Nguyễn Thanh Thanh	Thượng tá	Trưởng ban Dân vận, Phòng Chính trị, Bộ CHQS thành phố Cần Thơ, Quân khu 9	1972	9/1992	Phường Thới An, quận Ô Môn, thành phố Cần Thơ
194.	Lê Minh Phụng	Thượng tá	Chính trị viên, Ban CHQS quận Bình Thủy, Bộ CHQS thành phố Cần Thơ, Quân khu 9	1968	01/1992	Phường 3, thành phố Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang
195.	Nguyễn Hữu Trung	Trung tá	Chỉ huy trưởng, Ban CHQS quận Bình Thủy, Bộ CHQS thành phố Cần Thơ, Quân khu 9	1971	01/1992	Xã Phương Bình, huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang
196.	Bùi Văn Thân	Trung tá	Phó Chỉ huy trưởng, Ban CHQS quận Bình Thủy, Bộ CHQS thành phố Cần Thơ, Quân khu 9	1971	9/1992	Phường Phú Thứ, quận Cái Răng, thành phố Cần Thơ
197.	Nguyễn Đức Lệ	Thiếu tá CN	Trợ lý Cán bộ, Trung đoàn 932, Bộ CHQS thành phố Cần Thơ, Quân khu 9	1973	3/1992	Xã Tân An, huyện Càng Long, tỉnh Trà Vinh
198.	Hồ Xuân Phương	Thiếu tá CN	Nhân viên Tài chính, Trung đoàn 932, Bộ CHQS thành phố Cần Thơ, Quân khu 9	1969	12/1992	Xã Thạnh Xuân, huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang
199.	Đỗ Ngọc Tuấn	Đại úy CN	Trợ lý Quân lực, Trung đoàn 932, Bộ CHQS thành phố Cần Thơ, Quân khu 9	1972	8/1992	Phường Thạnh Phú, quận Thốt Nốt, thành phố Cần Thơ
200.	Trần Hữu Kiệt	Thượng úy CN	Nhân viên Tài chính, Ban CHQS quận Cái Răng, Bộ CHQS thành phố Cần Thơ, Quân khu 9	1971	01/1992	Xã Long Phú, huyện Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang
201.	Bùi Minh Hồng	Thiếu tá	Trợ lý Chính sách, Phòng Chính trị, Bộ CHQS thành phố Cần Thơ, Quân khu 9	1975	9/1992	Xã Tân Phước Hưng, thị xã Ngã Bảy, tỉnh Hậu Giang
202.	Hoàng Sỹ Minh	Trung tá	Trưởng ban Chính sách, Phòng Chính trị, Bộ CHQS thành phố Cần Thơ, Quân khu 9	1973	02/1992	Xã Hoàng Thắng, huyện Hoằng Hoá, tỉnh Thanh Hoá
203.	Nguyễn Văn Dũng	Thiếu tá CN	Tiểu đội trưởng Bảo vệ Thao Trường, Phòng Tham mưu, Bộ CHQS thành phố Cần Thơ	1969	3/1992	Phường Phú Thứ, quận Cái Răng, thành phố Cần Thơ
204.	Phạm Văn Hoàng	Trung tá	Chính trị viên phó, Ban CHQS huyện Cờ Đỏ, Bộ CHQS thành phố Cần Thơ, Quân khu 9	1972	10/1992	Xã Mỹ Lợi A, huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang
205.	Văn Công Chính	Trung tá	Trợ lý Quân lực, Phòng Tham mưu, Bộ CHQS tỉnh Cà Mau, Quân khu 9	1970	3/1992	Thị trấn Trần Văn Thời, huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau

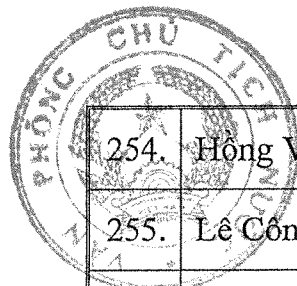


206.	Nguyễn Thanh	Trung tá	Trưởng ban Chính sách, Phòng Chính trị, Bộ CHQS tỉnh Cà Mau, Quân khu 9	1968	02/1992	Xã Khánh Lộc, huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau
207.	Trần Đại Danh	Trung tá	Chủ nhiệm Kỹ thuật, Bộ CHQS tỉnh Cà Mau, Quân khu 9	1970	02/1992	Xã Quách Phẩm, huyện Đầm Dơi, tỉnh Cà Mau
208.	Trần Tấn Kiệt	Thượng tá	Trung đoàn trưởng, Trung đoàn 896, Bộ CHQS tỉnh Cà Mau, Quân khu 9	1974	3/1992	Xã Hưng Mỹ, huyện Cái Nước, tỉnh Cà Mau
209.	Phan Chí Linh	Trung tá	Phó Trung đoàn trưởng-TMT, Trung đoàn 896, Bộ CHQS tỉnh Cà Mau, Quân khu 9	1972	3/1992	Xã Khánh Lộc, huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau
210.	Võ Văn Kiệt	Trung tá	Phó Chỉ huy trưởng-TMT, Ban CHQS huyện Ngọc Hiển, Bộ CHQS tỉnh Cà Mau, Quân khu 9	1973	3/1992	Xã Khánh Tiến, huyện U Minh, tỉnh Cà Mau
211.	Võ Hoàng Phăng	Thiếu tá	Tro lý Binh chủng, Ban CHQS huyện Trần Văn Thời, Bộ CHQS tỉnh Cà Mau, Quân khu 9	1968	02/1992	Xã Khánh Hải, huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau
212.	Nguyễn Thanh Toàn	Trung tá	Phó Chỉ huy trưởng, Ban CHQS huyện U Minh, Bộ CHQS tỉnh Cà Mau, Quân khu 9	1969	02/1992	Xã Nguyễn Phích, huyện U Minh, tỉnh Cà Mau
213.	Nguyễn Văn Linh	Trung tá	Trưởng ban Hậu cần-Kỹ thuật, Ban CHQS huyện U Minh, Bộ CHQS tỉnh Cà Mau, Quân khu 9	1973	3/1992	Xã Khánh Lâm, huyện U Minh, tỉnh Cà Mau
214.	Huỳnh Sơn Nam	Trung tá	Phó Chỉ huy trưởng-TMT, Ban CHQS huyện Thới Bình, Bộ CHQS tỉnh Cà Mau, Quân khu 9	1973	02/1992	Xã Trí Phải, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau
215.	Phạm Thanh Hải	Trung tá	Phó Chỉ huy trưởng, Ban CHQS huyện Thới Bình, Bộ CHQS tỉnh Cà Mau, Quân khu 9	1965	02/1992	Xã Hồ Thị Kỷ, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau
216.	Hà Tấn Khởi	Trung tá	Phó Tham mưu trưởng, Ban CHQS huyện Năm Căn, Bộ CHQS tỉnh Cà Mau, Quân khu 9	1972	3/1992	Xã Khánh An, huyện U Minh, tỉnh Cà Mau
217.	Lê Quang Đức	Thượng tá	Chính trị viên, Ban CHQS huyện An Minh, Bộ CHQS tỉnh Kiên Giang, Quân khu 9	1971	9/1992	Xã Mỹ Chánh, huyện Ba Tri, tỉnh Bến Tre
218.	Nguyễn Thanh Vân	Trung tá	Phó Chỉ huy trưởng - TMT, Ban CHQS huyện An Minh, Bộ CHQS tỉnh Kiên Giang, Quân khu 9	1968	3/1992	Xã Thuận Hòa, huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang
219.	Trình Hoàng Khả	Trung tá	Trưởng Ban HC-KT, Ban CHQS huyện U Minh Thượng, Bộ CHQS tỉnh Kiên Giang, Quân khu 9	1969	9/1992	Xã Vĩnh Phước B, huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang
220.	Nguyễn Văn Lệ	Trung tá	Chính trị viên phó, Ban CHQS huyện Gò Quao, Bộ CHQS tỉnh Kiên Giang, Quân khu 9	1973	02/1992	Xã Thạnh Lộc, huyện Giồng Riêng, tỉnh Kiên Giang
221.	Nguyễn Văn Thơm	Trung tá	Trưởng Ban Hậu cần - Kỹ thuật, Ban CHQS huyện Gò Quao, Bộ CHQS tỉnh Kiên Giang, Quân khu 9	1968	11/1992	Xã Thới Quản, huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang

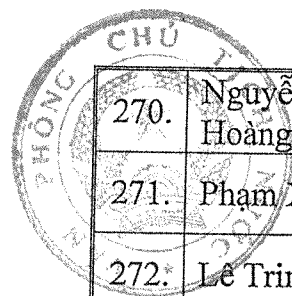


222.	Đặng Văn Hương	Trung tá	Tiểu đoàn trưởng KTT, Ban CHQS huyện Gò Quao, Bộ CHQS tỉnh Kiên Giang, Quân khu 9	1972	11/1992	Xã Vĩnh Hòa Hưng Bắc, huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang
223.	Trương Thanh Sơn	Thiếu tá CN	Nhân viên Thống kê Dân Quân, Ban CHQS huyện Gò Quao, Bộ CHQS tỉnh Kiên Giang, Quân khu 9	1968	01/1992	Xã Thiện Mỹ, huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long
224.	Chung Thanh Sang	Đại úy CN	Nhân viên Tài chính, Ban CHQS huyện Gò Quao, Bộ CHQS tỉnh Kiên Giang, Quân khu 9	1974	9/1992	Xã Thủy Liễu, huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang
225.	Trần Hoàng Vũ	Trung tá	Chính trị viên, Ban CHQS huyện U Minh Thượng, Bộ CHQS tỉnh Kiên Giang, Quân khu 9	1976	10/1992	Xã Hòa Lợi, huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang
226.	Nguyễn Văn Điệt	Thượng tá	Viện trưởng, Viện kiểm sát Quân sự Khu vực 93, Quân khu 9	1972	3/1992	Xã Nhị Mỹ, huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp
227.	Võ Văn Trung	Thượng tá	Chánh án, Tòa án Quân sự Khu vực 1, Quân khu 9	1971	4/1992	Xã Trung Nghĩa, huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long
228.	Lê Minh Sơn	Thượng tá	Thẩm phán, Tòa án Quân sự Quân khu 9	1973	3/1992	Xã Trung Nghĩa, huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long
229.	Nguyễn Quốc Nam	Thượng tá	Trợ lý Tổng hợp TD-KT, Phòng Tuyên huấn, Cục Chính trị, Quân khu 9	1974	9/1992	Xã Yên Đông, huyện Ý Yên, tỉnh Nam Định
230.	Diệp Văn Phụng	Đại úy CN	Lái xe, Viện kiểm sát Quân sự Khu vực 93, Quân khu 9	1972	01/1992	Xã Trung An, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang
231.	Nguyễn Văn Tươi	Thiếu tá CN	Trợ lý Thông tin, Ban Thông tin, Phòng Tham mưu, Bộ CHQS tỉnh Trà Vinh, Quân khu 9	1972	3/1992	Xã Mỹ Hòa, huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh
232.	Trần Văn Sơn	Đại úy CN	Tiểu đội trưởng, Đại đội Kho vũ khí đạn, Phòng Kỹ thuật, Bộ CHQS tỉnh Trà Vinh, Quân khu 9	1970	9/1992	Xã Long Toàn, huyện Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh
233.	Phạm Vũ Phương	Đại úy CN	Thợ sửa chữa ô tô, Phòng Kỹ thuật, Bộ CHQS tỉnh Trà Vinh, Quân khu 9	1972	02/1992	Xã Long Hữu, huyện Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh
234.	Huỳnh Quốc Toàn	Thiếu tá	Trưởng ban Xe máy, Phòng Kỹ thuật, Bộ CHQS tỉnh Trà Vinh, Quân khu 9	1973	9/1992	Xã Dân Thành, huyện Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh
235.	Đỗ Văn Phụng	Thiếu tá CN	Nhân viên lái xe, Phòng Hậu cần, Bộ CHQS tỉnh Trà Vinh, Quân khu 9	1972	02/1992	Xã Thanh Mỹ, huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh
236.	Nguyễn Văn Ru Y	Trung tá	Phó Chỉ huy trưởng, Ban CHQS huyện Cầu Ngang, Bộ CHQS tỉnh Trà Vinh, Quân khu 9	1974	02/1992	Xã Nhị Long, huyện Càng Long, tỉnh Trà Vinh
237.	Nguyễn Văn Út Nhỏ	Đại úy CN	Trợ lý Tác huấn, Ban CHQS huyện Cầu Ngang, Bộ CHQS tỉnh Trà Vinh, Quân khu 9	1974	01/1992	Xã Long Sơn, huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh

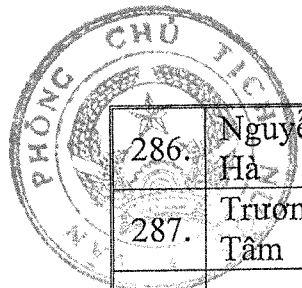
238.	Lê Văn Hiền	Trung tá	Trưởng ban Dân vận, Phòng Chính trị, Bộ CHQS tỉnh Vĩnh Long, Quân khu 9	1974	3/1992	Xã Tân Phú, huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long
239.	Lê Hoàng Thanh	Thiếu tá CN	Trợ lý Thông tin, Phòng Tham mưu, Bộ CHQS tỉnh Vĩnh Long, Quân khu 9	1974	9/1992	Xã Tân An Luông, huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long
240.	Phạm Văn Quyền	Thiếu tá	Trưởng ban Cơ Yếu, Phòng Tham mưu, Bộ CHQS tỉnh Vĩnh Long, Quân khu 9	1974	9/1992	Xã An Trường, huyện Càng Long, tỉnh Trà Vinh
241.	Trần Văn Chua	Trung tá	Phó Chỉ huy trưởng, Ban CHQS huyện Mang Thít, Bộ CHQS tỉnh Vĩnh Long, Quân khu 9	1972	02/1992	Xã An Phước, huyện Mang Thít, tỉnh Vĩnh Long
242.	Nguyễn Văn Sơn	Trung tá	Trưởng ban Hậu cần - Kỹ thuật, Ban CHQS huyện Vũng Liêm, Bộ CHQS tỉnh Vĩnh Long, Quân khu 9	1968	9/1992	Xã Hiếu Thành, huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long
243.	Lê Văn Quốc	Thiếu tá CN	Nhân viên Quân nhu, Phòng Hậu cần, Bộ CHQS tỉnh Vĩnh Long, Quân khu 9	1972	9/1992	Xã Hiếu Phụng, huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long
244.	Nguyễn Văn Bé	Thiếu tá	Trợ lý Quân nhu, Phòng Hậu cần, Bộ CHQS tỉnh Vĩnh Long, Quân khu 9	1969	9/1992	Xã Trà Côn, huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long
245.	Nguyễn Văn Cam	Trung tá	Chính trị viên, Ban CHQS huyện Kế Sách, Bộ CHQS tỉnh Sóc Trăng, Quân khu 9	1977	9/1992	Xã Xuân Hòa, huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng
246.	Lê Chí Trung	Thượng tá	Phó Chủ nhiệm Chính trị, Cục Kỹ thuật, Quân khu 9	1975	11/1991	Xã Đông Thái, huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang
247.	Đỗ Văn Hưng	Thiếu tá CN	Trung đội phó xe con, Ban Hành chính, Cục Kỹ thuật, Quân khu 9	1972	10/1990	Xã Thọ Tân, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa
248.	Lê Vinh Quang	Thiếu tá CN	Lái xe M113, Phân kho súng pháo Ô tô, Kho 302, Cục Kỹ thuật, Quân khu 9	1973	3/1991	Xã Thành An, huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre
249.	Lê Văn Thiên	Thiếu tá CN	Lái xe, Kho 301, Cục Kỹ thuật, Quân khu 9	1971	12/1991	Xã Hiệp Hưng, huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang
250.	Lương Thị Bích Ngà	Thiếu tá CN	Y sỹ, Kho 301, Cục Kỹ thuật, Quân khu 9	1971	12/1991	Xã Triệu Sơn, huyện Triệu Phong, tỉnh Quảng Trị
251.	Nguyễn Minh Hùng	CNVQP	Lái xe, Kho 303, Cục Kỹ thuật, Quân khu 9	1959	02/1991	Xã Mỹ Thuận, huyện Bình Minh, tỉnh Vĩnh Long
252.	Lê Anh Tuấn	Trung tá	Bác sỹ, Đội Y học dự phòng, Cục Hậu cần, Quân khu 9	1967	4/1986	Xã Hưng Mỹ, huyện Hưng Nguyên, tỉnh Nghệ An
253.	Phan Trường Giang	Trung tá	Trợ lý Tổ chức, Phòng Chính trị, Cục Hậu cần, Quân khu 9	1970	3/1989	Xã Nguyễn Phích, huyện U Minh, tỉnh Cà Mau



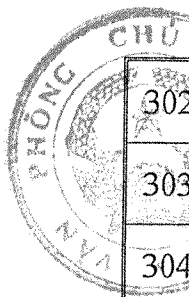
254.	Hồng Vũ Phấn	Thiếu tá CN	Lái xe ô tô, Đại đội Vận tải, Lữ đoàn TTG 416, Quân Khu 9	1968	3/1989	Phường An Phú, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ
255.	Lê Công Cuộc	Thượng tá	Trung đoàn trưởng, Trung đoàn 9 Sư đoàn Bộ binh 8, Quân khu 9	1972	9/1990	Xã Hậu Mỹ Bắc A, huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang
256.	Trần Hải Dương	Trung tá	Phó Tham mưu trưởng, Trung đoàn 9 Sư đoàn Bộ binh 8, Quân khu 9	1971	9/1991	Xã Thanh Long, huyện Thanh Chương, tỉnh Nghệ An
257.	Nguyễn Văn Mình	Trung tá	Phó Chủ nhiệm Chính trị, Công ty TNHH MTV 622, Quân khu 9	1973	9/1991	Xã Mỹ Lợi B, huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang
258.	Huỳnh Thanh Sang	Thiếu tá CN	Phó giám đốc, Lâm trường 422, Công ty TNHH MTV 622, Quân khu 9	1970	8/1987	Xã Phú Thành, huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long
259.	Trần Quang Thanh	Trung tá	Trưởng Ban, Ban Quân nhu, Phòng Hậu cần, Sư đoàn BB330, Quân khu 9	1971	8/1991	Xã Bình Thạnh Đông, huyện Gò Công, tỉnh Tiền Giang
260.	Nguyễn Quý Khoa	Thượng tá CN	Chủ nhiệm Quân y, Ban Hậu cần, Trung đoàn 3, Sư đoàn BB330, Quân Khu 9.	1967	9/1985	Xã Hồng Quang, huyện Nam Trực, tỉnh Nam Định
261.	Hoàng Văn Phúc	Đại úy CN	Trợ lý Xe máy, Phòng kỹ thuật, Lữ đoàn Thông tin 29. Quân khu 9	1972	9/1991	Xã Hùng An, huyện Kim Động, tỉnh Hưng Yên
262.	Nguyễn Thị Mai Nguyệt	Đại úy CN	Nhân viên Tổng đài, Đại đội 2, Tiểu đoàn 1, Lữ đoàn Thông tin 29, Quân khu 9	1970	01/1991	Thị trấn Ninh Giang, huyện Ninh Giang, tỉnh Hải Dương
263.	Trịnh Văn Duyệt	Thiếu tá CN	Nhân viên Kỹ thuật, Tiểu đoàn 1, Lữ đoàn Thông tin 29, Quân khu 9	1973	01/1992	Xã Yên Quang, huyện Ý Yên, tỉnh Nam Định
264.	Lê Văn Lắm	Thiếu tá CN	Nhân viên Nguồn điện, Tiểu đoàn 1, Lữ đoàn Thông tin 29, Quân khu 9	1971	9/1990	Xã Thuận An, huyện Bình Minh, tỉnh Vĩnh Long
265.	Nguyễn Văn Hiệp	Thiếu tá CN	Nhân viên Quân lực - Quân khí, Tiểu đoàn 3, Lữ đoàn Thông tin 29, Quân khu 9	1968	02/1990	Xã Nga Liên, huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh Hóa
266.	Trần Thị Kim Chung	Trung tá CN	Nhân viên thư viện, Phòng Chính trị, Lữ đoàn PPK 226, Quân khu 9	1971	10/1991	Xã Nghi Thuận, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An
267.	Đặng Minh Hùng	Đại tá	Chính úy, Trường Quân sự, Bộ CHQS tỉnh Hậu Giang, Quân khu 9	1971	8/1990	Xã Khánh Hải, huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau
268.	Lê Mạnh Quân	Thượng tá	Giáo viên, Trường Quân sự, Bộ CHQS tỉnh Hậu Giang, Quân khu 9	1962	9/1984	Xã Tân Khang, huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa
269.	Nguyễn Hồng Anh	Trung tá	Tiểu đoàn trưởng, Ban CHQS thị xã Ngã Bảy, Bộ CHQS tỉnh Hậu Giang, Quân khu 9	1970	02/1990	Xã Minh Phương, huyện Tiên Lữ, tỉnh Hưng Yên



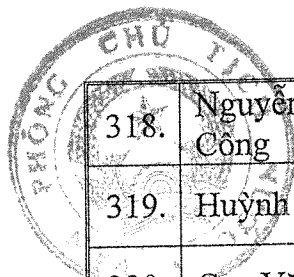
270.	Nguyễn Văn Hoàng	Trung tá	Trưởng Ban Hậu cần - Kỹ thuật, Ban CHQS huyện Vị Thủy, Bộ CHQS tỉnh Hậu Giang, Quân khu 9	1970	4/1991	Xã Hòa Mỹ, huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang
271.	Phạm Xuân Hợi	Thiếu tá	Trợ lý Quân lực, Ban CHQS huyện Vị Thủy, Bộ CHQS tỉnh Hậu Giang, Quân khu 9	1971	3/1991	Xã Long Xuyên, huyện Kinh Môn, tỉnh Hải Dương
272.*	Lê Trinh	Đại tá	Phó Sư đoàn Trưởng-TMT, Sư đoàn BB4, Quân khu 9	1965	8/1986	Xã An Thạnh Thủy, huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang
273.	Võ Văn Hùng	Thượng tá	Phó Tham mưu trưởng, Sư đoàn BB4, Quân khu 9	1967	10/1986	Xã Tân Thuận Bình, huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang
274.	Nguyễn Huy Du	Thượng tá	Chính ủy, Trung đoàn 2, Sư đoàn BB4, Quân khu 9	1965	02/1986	Xã Thanh Lang, huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương
275.	Nguyễn Chí Trung	Trung tá	Chủ nhiệm Thông tin, Sư đoàn BB4, Quân khu 9	1972	9/1991	Xã Đức Lâm, huyện Mộ Đức, tỉnh Quảng Ngãi
276.	Trương Minh Tâm	Trung tá	Chính trị viên, Tiểu đoàn Vận tải, Sư đoàn BB4, Quân khu 9	1973	9/1991	Xã Đa Phước Hội, huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre
277.	Hoàng Văn Dũng	Trung tá	Chính trị viên, Tiểu đoàn 1, Sư đoàn BB 4, Quân khu 9	1972	9/1991	Xã Yên Phong, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa
278.	Trần Quốc Tý	Trung tá	Chính trị viên, Tiểu đoàn 2, Trung đoàn 2, Sư đoàn BB4, Quân khu 9	1972	9/1991	Xã Phù Lưu, huyện Lộc Hà, tỉnh Hà Tĩnh
279.	Nguyễn Văn Quang	Thiếu tá	Trợ lý Dân vận, Ban Chính trị, Trung đoàn 30, Sư đoàn BB4, Quân khu 9.	1973	8/1991	Xã Hà Lĩnh, huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa
280.	Nguyễn Văn Trạch	Thượng tá	Phó Trưởng Phòng, Phòng Quân lực, Bộ Tham mưu, Quân khu 9	1973	3/1991	Xã Hùng Hòa, huyện Tiểu Cần, tỉnh Trà Vinh
281.	Trần Thành Năng	Trung tá	Trợ lý Chính sách, Phòng Quân lực, Bộ Tham mưu, Quân khu 9	1970	3/1991	Xã Tân Trung, huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre
282.	Dương Văn Thắng	Trung tá	Phó Trưởng phòng, Phòng Hải Quân, Bộ Tham mưu, Quân khu 9	1978	11/1991	Xã Thành An, huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre
283.	Lý Thị Rẫy Nhỏ	Thiếu tá CN	Nhân viên phục vụ, Trạm khách T80, Bộ Tham mưu, Quân khu 9	1971	01/1991	Xã Cẩm Sơn, huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang
284.	Phan Thị Lệ Tuyết	Thiếu tá CN	Nhân viên Văn thư - Bảo mật, Trạm khách T80, Bộ Tham mưu, Quân khu 9	1969	12/1991	Xã Mỹ Lộc, huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long
285.	Lê Thị Kim Anh	Thiếu tá CN	Nhân viên phục vụ, Trạm khách T80, Bộ Tham mưu, Quân khu 9	1973	01/1991	Xã Thạch Vĩnh, huyện Thạch Hà, tỉnh Hà Tĩnh



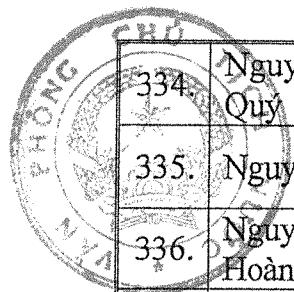
286.	Nguyễn Thị Thu Hà	Thiếu tá CN	Thủ quỹ, Trạm khách T80, Bộ Tham mưu, Quân khu 9	1974	01/1990	Thị trấn Chợ Lách, huyện Chợ Lách, tỉnh Bến Tre
287.	Trương Minh Tâm	Trung tá	Trợ lý, Phòng Phòng không, Bộ Tham mưu, Quân khu 9	1969	3/1991	Xã Đông Thành, thị xã Bình Minh, tỉnh Vĩnh Long
288.	Dương Văn Vân	Trung tá	Phó trưởng Ban Quân lực, Phòng Tham mưu, Bộ CHQS tỉnh Tiền Giang, Quân khu 9	1972	9/1990	Xã Hậu Mỹ Trinh, huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang
289.	Nguyễn Hoàng Nhân	Thiếu tá	Phó trưởng Ban Tác huấn, Phòng Tham mưu, Bộ CHQS tỉnh Tiền Giang, Quân khu 9	1973	11/1991	Xã Lương Hòa Lạc, huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang
290.	Nguyễn Thanh Hà	Thiếu tá CN	Nhân viên Ban Dân quân tự vệ, Phòng Tham mưu, Bộ CHQS tỉnh Tiền Giang, Quân khu 9	1970	9/1990	Xã Tân Hội Đông, huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang
291.	Trần Văn Thử	Trung tá CN	Trợ lý Quân y, Phòng Hậu cần, Bộ CHQS tỉnh Tiền Giang, Quân khu 9	1961	02/1982	Xã Mỹ Hưng, huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre
292.	Lê Thị Thu Hồng	Thiếu tá CN	Phó Trạm xá, Bộ CHQS tỉnh Tiền Giang, Quân khu 9	1958	10/1978	Xã An Thạnh Thủy, huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang
293.	Hàng Xuân Diệu	Thiếu tá CN	Nhân viên Văn thư – Bảo mật, Văn phòng Bộ CHQS tỉnh Tiền Giang, Quân khu 9	1968	12/1990	Xã Giao Hòa, huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre
294.	Nguyễn Thị Diệu Hiền	Thiếu tá CN	Nhân viên Nấu ăn, Ban CHQS huyện Châu Thành, Bộ CHQS tỉnh Tiền Giang, Quân khu 9	1966	02/1985	Xã Quới Thiện, huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long
295.	Phan Văn Vũ Hiệp	Trung tá	Chủ nhiệm Hậu cần - Kỹ thuật, Ban CHQS thành phố Mỹ Tho, Bộ CHQS tỉnh Tiền Giang, Quân khu 9	1967	02/1985	Xã Bàn Long, huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang
296.	Nguyễn Văn Châu	Trung tá	Tiểu đoàn trưởng KTT, Ban CHQS huyện Tân Phước, Bộ CHQS tỉnh Tiền Giang, Quân khu 9	1968	9/1991	Xã Mỹ Hạnh Trung, thị xã Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang
297.	Nguyễn Thanh Tùng	Trung tá	Chánh văn phòng, Bộ CHQS tỉnh Đồng Tháp, Quân khu 9	1972	9/1991	Xã Mỹ An Hưng A, huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp
298.	Nguyễn Thanh Vũ	Trung tá	Trợ lý Thông tin, Phòng Tham mưu, Bộ CHQS tỉnh Đồng Tháp, Quân khu 9	1974	3/1992	Xã Thanh Mỹ, huyện Tháp Mười, tỉnh Đồng Tháp
299.	Nguyễn Văn Minh	Thượng tá	Trưởng ban Bảo vệ An ninh, Phòng Chính trị, Bộ CHQS tỉnh Đồng Tháp, Quân khu 9	1968	11/1989	Xã Bình Thạnh Trung, huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp
300.	Võ Văn Sơn	Trung tá	Giáo viên Kỹ thuật, Trường quân sự, Bộ CHQS tỉnh Đồng Tháp, Quân khu 9	1971	3/1992	Xã Tân Hội, thị xã Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp
301.	Hoàng Văn Tiến	Trung tá	Phó Trung đoàn trưởng, Trung đoàn 320, Bộ CHQS tỉnh Đồng Tháp, Quân khu 9	1973	3/1992	Xã Song Khê, thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang



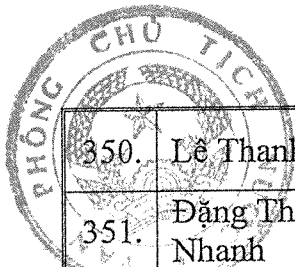
302.	Phan Hoàng Phong	Trung tá	Phó phòng Tham mưu – Kế hoạch, Đoàn KT-QP 959, Bộ CHQS tỉnh Đồng Tháp, Quân khu 9	1973	3/1992	Xã Tân Thuận Đông, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp
303.	Nguyễn Thành Đô	Trung tá	Phó Tham mưu trưởng, Ban CHQS huyện Hồng Ngự, Bộ CHQS tỉnh Đồng Tháp, Quân khu 9	1974	3/1992	Xã Tân Quới, huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp
304.	Nguyễn Văn Lễ	Trung tá	Tiểu đoàn trưởng KTT, Ban CHQS huyện Lai Vung, Bộ CHQS tỉnh Đồng Tháp, Quân khu 9	1972	3/1992	Xã Nghĩa Sơn, huyện Nghĩa Hưng, tỉnh Nam Định
305.	Nguyễn Bá Trinh	Thiếu tá CN	Lái máy Lu, Gạt, Đại đội Công binh 28, Lữ đoàn 950, Quân khu 9	1971	3/1990	Xã Nam Phương Tiên, huyện Chương Mỹ, thành phố Hà Nội
306.	Huỳnh Văn Thi	Đại úy CN	Nhân viên Lái xe, Đại đội Vận tải, Lữ đoàn 950, Quân khu 9	1971	9/1991	Xã Hiếu Nhơn, huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long
307.	Ngô Huy Thường	Trung tá CN	Đài trưởng Vô tuyến điện, Đại đội Thông tin, Lữ đoàn 950, Quân khu 9	1967	02/1987	Xã Nghĩa Hiệp, huyện Nghĩa Hưng, tỉnh Nam Định
308.	Nguyễn Văn Thuận	Trung tá	Chủ nhiệm Hậu cần, Lữ đoàn 950, Quân khu 9	1972	9/1991	Xã Thạch Môn, huyện Thạch Hà, tỉnh Hà Tĩnh
309.	Huỳnh Văn Đợt	Thượng tá	Chính ủy, Trung đoàn 894, Bộ CHQS tỉnh Bạc Liêu, Quân khu 9	1971	10/1991	Xã Ninh Hòa, huyện Hồng Dân, tỉnh Bạc Liêu
310.	Thái Văn Bông	Thượng tá	Trưởng ban Tổ chức, Phòng Chính trị, Bộ CHQS tỉnh Bạc Liêu, Quân khu 9	1970	9/1991	Xã Mong Thọ, huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang
311.	Nguyễn Tấn Lợi	Thiếu tá CN	Nhân viên Cơ yếu, Phòng Tham mưu, Bộ CHQS tỉnh Bạc Liêu, Quân khu 9	1970	9/1991	Xã Định Thành A, huyện Đông Hải, tỉnh Bạc Liêu
312.	Lý Văn Cường	Trung tá	Phó Chỉ huy trưởng - TMT, Ban CHQS huyện Vĩnh Lợi, Bộ CHQS tỉnh Bạc Liêu, Quân khu 9	1973	8/1991	Xã Hưng Mỹ, huyện Cái Nước, tỉnh Cà Mau
313.	Trần Văn Duẩn	Thượng tá	Phó Hiệu trưởng, Trường Quân sự, Bộ CHQS tỉnh Bạc Liêu, Quân khu 9	1970	3/1991	Xã Vĩnh Phú Tây, huyện Phước Long, tỉnh Bạc Liêu
314.	Đỗ Chí Linh	Thượng tá	Trưởng ban Chính trị, Trường Quân sự, Bộ CHQS tỉnh Bạc Liêu, Quân khu 9	1972	9/1991	Xã Long Điền Đông A, huyện Đông Hải, tỉnh Bạc Liêu
315.	Trần Thanh Phương	Trung tá	Trưởng ban Tham mưu, Đào tạo, Trường Quân sự, Bộ CHQS tỉnh Bạc Liêu, Quân khu 9	1972	9/1990	Xã Tân Phong, thị xã Giá Rai, tỉnh Bạc Liêu
316.	Nguyễn Minh Quý	Thượng tá	Chỉ huy trưởng, Ban CHQS thành phố Bạc Liêu, Bộ CHQS tỉnh Bạc Liêu, Quân khu 9	1972	3/1991	Xã Đông Hưng, huyện Cái Nước, tỉnh Cà Mau
317.	Trần Hoàng Khánh	Trung tá	Trợ lý Phòng không, Phòng Tham mưu, Bộ CHQS tỉnh Bạc Liêu, Quân khu 9	1969	02/1992	Xã Quách Phẩm, huyện Đầm Dơi, tỉnh Cà Mau



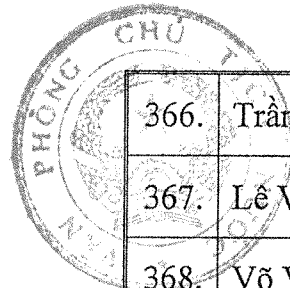
318.	Nguyễn Chiến Công	Thiếu tá CN	Trợ lý Quân khí, Ban CHQS huyện Hòa Bình, Bộ CHQS tỉnh Bạc Liêu, Quân khu 9	1971	9/1990	Xã Lợi An, huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau
319.	Huỳnh Văn Thắm	Trung tá	Phó Chỉ huy trưởng, Ban CHQS huyện Thạnh Phú, Bộ CHQS tỉnh Bến Tre, Quân khu 9	1971	9/1991	Xã Giao Thạnh, huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre
320.	Cao Văn Đức	Thiếu tá CN	Trợ lý Chính trị, Ban CHQS huyện Thạnh Phú, Bộ CHQS tỉnh Bến Tre, Quân khu 9	1974	9/1991	Xã Mỹ Hưng, huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre
321.	Nguyễn Văn Em	Thượng tá	Phó Chủ nhiệm UBKT, Đảng ủy Quân sự tỉnh Bến Tre, Quân khu 9	1971	6/1990	Xã Sơn Đông, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre
322.	Phạm Văn Tài	Trung tá	Phó Tham mưu trưởng, Ban CHQS huyện Bình Đại, Bộ CHQS tỉnh Bến Tre, Quân khu 9	1972	3/1991	Xã Thới Lai, huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre
323.	Nguyễn Minh Trí	Trung tá	Trưởng ban Công binh, Phòng Tham mưu, Bộ CHQS tỉnh Bến Tre, Quân khu 9	1972	3/1991	Xã An Ngãi Trung, huyện Ba Tri, tỉnh Bến Tre
324.	Lê Hữu Thọ	Thiếu tá CN	Đài trưởng Vô tuyến điện báo, Đại đội Thông tin, Bộ CHQS tỉnh Bến Tre, Quân khu 9	1971	3/1991	Phường Đồng Sơn, thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình
325.	Huỳnh Quốc Hùng	Thượng tá	Phó Hiệu trưởng, Trường Quân sự, Bộ CHQS tỉnh Bến Tre, Quân khu 9	1968	02/1986	Xã Thành An, huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre
326.	Trần Thanh Phong	Đại tá	Nguyên Phó Chỉ huy trưởng Chính trị, Bộ CHQS tỉnh Bến Tre, Quân khu 9	1951	5/1967	Xã Hưng Khánh Trung B, huyện Chợ Lách, tỉnh Bến Tre
327.	Đặng Viết Hưng	Trung tá CN	Nhân viên Quân lực, Phòng Tham mưu, Lữ đoàn Công binh 25, Quân khu 9	1972	10/1989	Xã Nghi Đồng, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An
328.	Lê Minh Quý	Trung tá	Trợ lý Tác huấn, Phòng Tham mưu, Lữ đoàn Công binh 25, quân khu 9	1972	3/1991	Xã Lộc Hòa, huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long
329.	Bùi Thị Quyên	Thiếu tá CN	Nhân viên hành chính, Phòng Tham mưu, Lữ đoàn Công binh 25, Quân khu 9	1967	10/1989	Xã Thái Thuận, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình
330.	Nguyễn Thị Hòa	Thiếu tá CN	Tiểu đội trưởng nuôi quân, Phòng Tham mưu, Lữ đoàn Công binh 25, Quân khu 9	1971	8/1989	Xã Thanh Hòa, huyện Thanh Chương, tỉnh Nghệ An
331.	Nguyễn Thị Nguyệt	Thiếu tá CN	Chiến sĩ nuôi quân, Phòng Tham mưu, Lữ đoàn Công binh 25, Quân khu 9	1967	4/1990	Xã Thanh Lương, huyện Thanh Chương, tỉnh Nghệ An
332.	Võ Hải Lưu	Thiếu tá	Chủ nhiệm Hóa học, Phòng Tham mưu, Lữ đoàn Công binh 25, Quân khu 9	1971	3/1991	Xã Nghi Hội, huyện Nghi Xuân, tỉnh Hà Tĩnh
333.	Nguyễn Công Bằng	Thiếu tá CN	Nhân viên bản đồ, Phòng Tham mưu, Lữ đoàn Công binh 25, Quân khu 9	1965	01/1991	Xã Nhuế Dương, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên



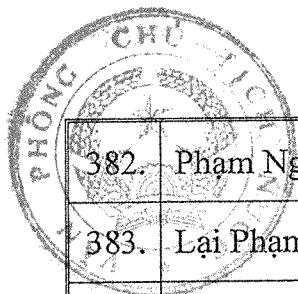
334.	Nguyễn Xuân Quý	Trung tá	Phó Chủ nhiệm Chính trị, Phòng Chính trị, Lữ đoàn Công binh 25, Quân khu 9	1973	9/1991	Xã Đông Quang, huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình
335.	Nguyễn Văn Hà	Thiếu tá CN	Chiến sĩ lái xe, Phòng Hậu cần, Lữ đoàn Công binh 25, Quân khu 9	1972	9/1990	Xã Đông Nam, huyện Đông Sơn, tỉnh Thanh Hóa
336.	Nguyễn Văn Hoàn	Thiếu tá CN	Nhân viên doanh Trại, Phòng Hậu cần, Lữ đoàn Công binh 25, Quân khu 9	1974	9/1991	Xã Đông Cơ, huyện Tiên Hải, tỉnh Thái Bình
337.	Phan Văn Hào	Thiếu tá CN	Nhân viên Tài chính, Phòng Hậu cần, Lữ đoàn Công binh 25, Quân khu 9	1971	9/1991	Xã Văn Thành, huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ An
338.	Nguyễn Văn Tuyên	Trung tá	Phó Chủ nhiệm Kỹ thuật, Phòng Kỹ thuật, Lữ đoàn Công binh 25, Quân khu 9	1969	02/1990	Xã Trường Trung, huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa
339.	Nguyễn Đức Khắc	Thiếu tá CN	Nhân viên thủ kho, Phòng Kỹ thuật, Lữ đoàn Công binh 25, Quân khu 9	1972	01/1990	Xã Cát Thành, huyện Trục Ninh, tỉnh Nam Định
340.	Vũ Thế Hùng	Thiếu tá CN	Thợ cơ khí, Phòng Kỹ thuật, Lữ đoàn Công binh 25, Quân khu 9	1967	10/1990	Xã Hải Hà, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định
341.	Nguyễn Thành Diệp	Trung tá CN	Tiểu đội trưởng, Phòng Kỹ thuật, Lữ đoàn Công binh 25, Quân khu 9	1969	10/1990	Xã Tân An Luông, huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long
342.	Hoàng Anh Tuấn	Đại úy CN	Nhân viên quân khí, Phòng Kỹ thuật, Lữ đoàn Công binh 25, Quân khu 9	1973	3/1991	Phường Ngọc Trạo, thị xã Bỉm Sơn, tỉnh Thanh Hóa
343.	Đặng Văn Tám	Đại úy CN	Chiến sĩ lái máy, Phòng Kỹ thuật, Lữ đoàn Công binh 25, Quân khu 9	1971	3/1991	Xã Cao Sơn, huyện Anh Sơn, tỉnh Nghệ An
344.	Hà Chu Hội	Đại úy CN	Thợ sửa chữa, Phòng Kỹ thuật, Lữ đoàn Công binh 25, Quân khu 9	1972	3/1991	Xã Tiên Điền, huyện Nghi Xuân, tỉnh Hà Tĩnh
345.	Võ Quang Vinh	Trung tá CN	Thợ sửa chữa, Phòng Kỹ thuật, Lữ đoàn Công binh 25, Quân khu 9	1960	11/1990	Xã Diễn Phúc, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An
346.	Trần Xuân Hội	Trung tá	Chính trị viên, Tiểu đoàn 1, Lữ đoàn Công binh 25, Quân khu 9	1972	9/1991	Xã Hà Linh, huyện Hương Khê, tỉnh Hà Tĩnh
347.	Trịnh Đình Việt	Đại úy CN	Chiến sĩ lái xe, Tiểu đoàn 1, Lữ đoàn Công binh 25, Quân khu 9	1974	3/1991	Xã Cự Khê, huyện Thanh Oai, thành phố Hà Nội
348.	Nguyễn Văn Hiệp	Thiếu tá CN	Chiến sĩ lái máy, Tiểu đoàn 1, Lữ đoàn Công binh 25, Quân khu 9	1970	02/1990	Phường Nam Thành, thành phố Ninh Bình, tỉnh Ninh Bình
349.	Nguyễn Văn Hoàng	Trung tá CN	Chiến sĩ lái xe, Tiểu đoàn 1, Lữ đoàn Công binh 25, Quân khu 9	1968	8/1989	Xã Hà Thành, huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương



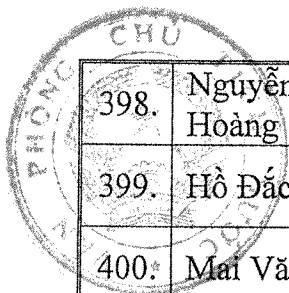
350.	Lê Thanh Định	Đại úy CN	Chiến sĩ lái máy, Tiểu đoàn 3, Lữ đoàn Công binh 25, Quân khu 9	1970	3/1991	Xã Vũ Hội, huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình
351.	Đặng Thanh Nhánh	Thượng tá	Chính trị viên, Ban CHQS huyện Châu Thành, Bộ CHQS tỉnh Sóc Trăng, Quân khu 9	1973	4/1991	Xã Hòa Tú 1, huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng
352.	Trương Minh Giải	Trung tá	Tiểu đoàn trưởng KTT, Ban CHQS huyện Châu Thành, Bộ CHQS tỉnh Sóc Trăng, Quân khu 9	1970	4/1991	Xã Mỹ Thuận, huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng
353.	Lê Thanh Lịnh	Trung tá	Trưởng Ban Hậu cần - Kỹ thuật, Ban CHQS huyện Châu Thành, Bộ CHQS tỉnh Sóc Trăng, Quân khu 9	1973	4/1991	Xã Mỹ Tú, huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng
354.	Đình Thanh Phụng	Thượng tá	Chính trị viên, Ban CHQS huyện Long Phú, Bộ CHQS tỉnh Sóc Trăng, Quân khu 9	1971	4/1991	Xã Mỹ Thuận, huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng
355.	Nguyễn Văn Nguyễn	Thượng tá	Trưởng ban Tác chiến, Phòng Tham mưu, Bộ CHQS tỉnh An Giang, Quân khu 9	1973	3/1991	Xã Phú Thuận, huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang
356.	Đào Kim Hải	Thượng tá	Chính trị viên, Ban CHQS huyện Tri Tôn, Bộ CHQS tỉnh An Giang, Quân khu 9	1966	02/1985	Xã Mỹ An, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang
357.	Nguyễn Văn Lộc	Trung tá	Trưởng ban Hậu cần - Kỹ thuật, Ban CHQS huyện Tri Tôn, Bộ CHQS tỉnh An Giang, Quân khu 9	1971	4/1991	Xã Tân Tuyên, huyện Tri Tôn, tỉnh An Giang
358.	Hồ Hữu Minh	Trung tá	Phó Chỉ huy trưởng, Ban CHQS huyện Chợ Mới, Bộ CHQS tỉnh An Giang, Quân khu 9	1973	10/1991	Thị trấn Chợ Mới, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang
359.	Phạm Văn Tạo	Đại úy CN	Nhân viên Quân lực, Ban CHQS huyện Chợ Mới, Bộ CHQS tỉnh An Giang, Quân khu 9	1972	3/1991	Xã Hội An, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang
360.	Đoàn Minh Tâm	Trung tá	Phó Chỉ huy trưởng, Ban CHQS huyện Chợ Mới, Bộ CHQS tỉnh An Giang, Quân khu 9	1973	3/1990	Xã Long Giang, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang
361.	Nguyễn Văn Mính	Trung tá	Chính trị viên phó, Ban CHQS huyện Chợ Mới, Bộ CHQS tỉnh An Giang, Quân khu 9	1968	3/1990	Xã Tân Mỹ, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang
362.	Lê Anh Tuấn	Trung tá	Phó Tham mưu trưởng, Ban CHQS huyện Tịnh Biên, Bộ CHQS tỉnh An Giang, Quân khu 9	1973	9/1991	Xã Nhon Hưng, huyện Tịnh Biên, tỉnh An Giang
363.	Nguyễn Tiến Dũng	Trung tá	Đội phó Đội Công tác CT 39, Bộ CHQS tỉnh An Giang, Quân khu 9	1969	8/1986	Xã Xuân Phương, huyện Xuân Trường, tỉnh Nam Định
364.	Nguyễn Văn Hoàng	Thượng tá	Đội trưởng, Đội Công tác CT 31, Bộ CHQS tỉnh An Giang, Quân khu 9	1965	6/1984	Xã Long An, thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang
365.	Nguyễn Văn Vũ	Thượng tá	Tổ trưởng bộ môn, Khoa Khoa học xã hội và nhân văn, Trường Quân sự, Quân khu 9	1972	9/1991	Xã An Hiệp, huyện Ba Tri, tỉnh Bến Tre



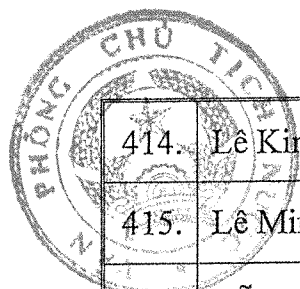
366.	Trần Minh Thảo	Trung tá	Tiểu đoàn trưởng, Tiểu đoàn 4, Trường Quân sự, Quân khu 9	1972	9/1991	Xã Trường Thành, huyện Thới Lai, thành phố Cần Thơ
367.	Lê Văn Phương	Thiếu tá CN	Giáo viên, Khoa chuyên môn kỹ thuật, Trường Quân sự, Quân khu 9	1972	9/1991	Xã Ngọc Sơn, huyện Thanh Chương, tỉnh Nghệ An
368.	Võ Văn Nhiệm	Thượng tá	Tổ trưởng bộ môn, Khoa Khoa học xã hội và nhân văn, Trường Quân sự, Quân khu 9	1971	9/1990	Xã Mỹ Hạnh Trung, thị xã Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang
369.	Võ Văn Triều	Thượng tá	Tổ trưởng bộ môn, Trường Quân sự, Quân khu 9	1972	02/1990	Xã Mỹ Thuận, huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng
370.	Lê Văn Hội	Thượng tá	Phó Hiệu trưởng, Trường Cao đẳng Nghề số 9, Quân khu 9	1963	3/1983	Xã Thới Hòa, huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long
371.	Đặng Chí Nghiệm	Thượng tá	Trung đoàn trưởng, Trung đoàn 932 Bộ CHQS thành phố Cần Thơ, Quân khu 9	1968	02/1985	Xã Trường Long A, huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang
372.	Huỳnh Văn Khương	Thượng tá	Chủ nhiệm Chính trị, Trường Quân sự Bộ CHQS thành phố Cần Thơ, Quân khu 9	1967	02/1985	Xã Ngãi Tứ, huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long
373.	Nguyễn Văn Công	Trung tá	Tiểu đoàn trưởng, Tiểu đoàn 410, Trung đoàn 932 Bộ CHQS thành phố Cần Thơ, Quân khu 9	1972	02/1990	Xã Tân Hội, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long
374.	Trần Hữu Bon	Thượng tá	Trưởng ban Tác huấn, Phòng Tham mưu, Bộ CHQS thành phố Cần Thơ, Quân khu 9	1970	5/1990	Phường Long Tuyền, quận Bình Thủy, thành phố Cần Thơ
375.	Nguyễn Trí Thức	Trung tá CN	Nhân viên Lái xe, Văn Phòng Bộ CHQS thành phố Cần Thơ, Quân khu 9	1969	3/1988	Xã Tân Phước Hưng, huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang
376.	Lê Tấn Đạt	Trung tá	Trợ lý Dân quân tự vệ, Phòng Tham mưu Bộ CHQS thành phố Cần Thơ, Quân khu 9	1966	9/1991	Xã Đông Hiệp, huyện Cờ Đỏ, thành phố Cần Thơ
377.	Nguyễn Văn Tới	Thượng tá	Chính trị viên, Ban CHQS quận Ninh Kiều, Bộ CHQS thành phố Cần Thơ, Quân khu 9	1977	11/1991	Xã Phú Hữu, huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang
378.	Nguyễn Hoàng Vân	Thượng tá	Nguyên Chủ nhiệm Chính trị, Bộ CHQS thành phố Cần Thơ, Quân khu 9	1958	7/1975	Xã Nhơn Nghĩa A, huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang
379.	Trần Minh Trong	Trung tá	Tiểu đoàn trưởng KTT, Ban CHQS huyện Trần Văn Thời, Bộ CHQS tỉnh Cà Mau, Quân khu 9	1970	3/1991	Xã Khánh Hải, huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau
380.	Võ Minh Tường	Thượng tá CN	Nhân viên Tài chính, Ban Tài Chính, Bộ CHQS tỉnh Cà Mau	1966	7/1987	Thị trấn Trần Văn Thời, huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau
381.	Nguyễn Thành Tiết	Đại tá	Nguyên Phó Chỉ huy trưởng, Bộ CHQS tỉnh Cà Mau, Quân khu 9	1951	7/1968	Xã Lương Thế Trân, huyện Cái Nước, tỉnh Cà Mau



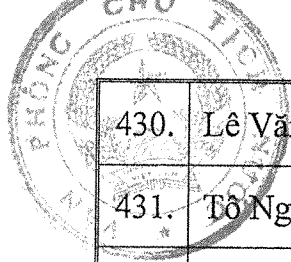
382.	Phạm Ngọc Ân	Thiếu tá CN	Nguyên Nhân viên Quân lực, Phòng Tham mưu, Bộ CHQS tỉnh Cà Mau, Quân khu 9	1963	02/1985	Xã An Xuyên, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau
383.	Lại Phạm Thạnh	Trung tá	Nguyên Chủ nhiệm Quân y, Phòng Hậu cần, Bộ CHQS tỉnh Cà Mau, Quân khu 9	1942	7/1960	Xã Quách Phẩm Bắc, huyện Đầm Đoi, tỉnh Cà Mau
384.	Phạm Hữu Hạp	Thượng tá	Nguyên Chủ nhiệm Quân y, Phòng Hậu cần, Bộ CHQS tỉnh Cà Mau, Quân khu 9	1945	3/1964	Xã Khánh Hưng, huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau
385.	Huỳnh Văn Đụng	Thiếu tá CN	Nguyên Nhân viên Văn thư Bảo mật, Văn phòng, Bộ CHQS tỉnh Cà Mau, Quân khu 9	1967	8/1985	Xã Hồ Thị Kỳ, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau
386.	Lê Thanh Tuấn	Trung tá	Nguyên Chủ nhiệm Kỹ thuật, Trung đoàn 896, Bộ CHQS tỉnh Cà Mau, Quân khu 9	1964	8/1984	Xã Biền Bạch Đông, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau
387.	Nguyễn Hoàng Vũ	Thượng tá	Chánh Văn phòng, Bộ CHQS tỉnh Cà Mau, Quân khu 9	1973	9/1991	Xã Vĩnh Phú Đông, huyện Phước Long, tỉnh Bạc Liêu
388.	Huỳnh Hoàng Vui	Trung tá	Chủ nhiệm Kỹ thuật, Trung đoàn 896, Bộ CHQS tỉnh Cà Mau, Quân khu 9	1971	9/1991	Xã Khánh Hưng, huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau
389.	Nguyễn Thiết Hùng	Trung tá	Phó Chỉ huy trưởng, Ban CHQS huyện An Minh, Bộ CHQS tỉnh Kiên Giang, Quân khu 9	1973	3/1991	Xã Thanh Hưng, huyện Giồng Riêng, tỉnh Kiên Giang
390.	Trương Quốc Vạn	Trung tá	Phó Tham mưu trưởng, Ban CHQS huyện An Minh, Bộ CHQS tỉnh Kiên Giang, Quân khu 9	1969	9/1991	Xã Đông Yên, huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang
391.	Lưu Khánh Hùng	Thượng tá	Chỉ huy trưởng, Ban CHQS huyện Gò Quao, Bộ CHQS tỉnh Kiên Giang, Quân khu 9	1968	3/1989	Xã Thanh Hưng, huyện Giồng Riêng, tỉnh Kiên Giang
392.	Trần Hiệp Định	Trung tá	Phó Chỉ huy trưởng - TMT, Ban CHQS huyện Gò Quao, Bộ CHQS tỉnh Kiên Giang, Quân khu 9	1972	3/1991	Xã Đông Hưng A, huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang
393.	Trần Đăng Thao	Đại tá	Chánh Thanh tra Quốc phòng, Bộ CHQS tỉnh Kiên Giang, Quân khu 9	1953	3/1975	Xã Đông Hòa, huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang
394.	Mai Xuân Đương	Đại tá	Phó Chủ nhiệm UBKT Đảng ủy, Bộ CHQS tỉnh Kiên Giang, Quân khu 9	1955	4/1974	Xã Hà Toại, huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa
395.	Lê Văn Hòa	Trung tá	Phó Chỉ huy trưởng, Ban CHQS huyện U Minh Thượng, Bộ CHQS tỉnh Kiên Giang, Quân khu 9	1974	9/1991	Xã Hòa Chánh, huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang
396.	Nguyễn Thanh Phong	Thượng tá	Phó Viện trưởng, Viện kiểm sát Quân sự Quân khu 9	1971	3/1990	Xã Trường Long Hòa, huyện Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh
397.	Trương Tấn Linh	Thượng tá	Viện trưởng, Viện kiểm sát Quân sự Khu vực 91, Quân khu 9	1972	3/1991	Xã Bình Thành, huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến tre



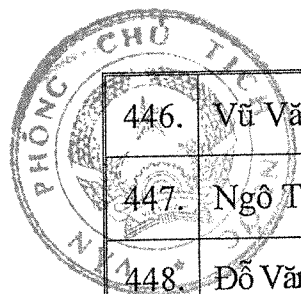
398.	Nguyễn Minh Hoàng	Thượng tá	Phó Viện trưởng, Viện kiểm sát Quân sự Khu vực 91, Quân khu 9	1973	3/1991	Xã Thạnh Lộc, huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang
399.	Hồ Đắc Thông	Thượng tá	Trợ lý, Ban Lịch sử CTĐ, CTCT, Cục Chính trị, Quân khu 9	1973	3/1991	Xã Tân Mỹ, huyện Lập Vò, tỉnh Đồng Tháp
400.	Mai Văn Thành	Thượng tá CN	Nhân viên, Bảo tàng Quân khu 9	1969	12/1988	Xã Hà Sơn, huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa
401.	Lê Thị Kim Anh	Trung tá CN	Nhân viên, Nhà Văn hóa, Cục Chính trị, Quân khu 9	1966	12/1989	Xã Nhơn Nghĩa, huyện Phong Điền, thành phố Cần Thơ
402.	Nguyễn Thành Mỹ	Trung tá CN	Nhạc công, Đoàn văn công Quân khu 9	1966	8/1987	Xã Tiên Thuận Bình, huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang
403.	Nguyễn Thanh Sang	Trung tá CN	Phó Đội trưởng Đội Sân khấu, Cải Lương, Đoàn văn công Quân khu 9	1971	8/1988	Xã Tân Thuận Đông, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp
404.	Nguyễn Hoàng Kha	Trung tá	Đội trưởng Sân khấu, Cải Lương, Đoàn văn công Quân khu 9	1969	8/1987	Xã Thới Sơn, huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang
405.	Bùi Đình Lưu	Trung tá	Trợ lý Chính sách, Phòng Chính sách, Cục Chính trị, Quân khu 9	1971	02/1990	Xã Bùi Xá, huyện Đức Thọ, tỉnh Hà Tĩnh
406.	Hứa Văn Nghĩa	Đại tá	Phó Chỉ huy trưởng, Bộ CHQS tỉnh Trà Vinh, Quân khu 9	1967	9/1991	Xã Thanh Sơn, huyện Trà Cú, tỉnh Trà Vinh
407.	Phạm Thành Lộc	Thượng tá	Phó Chủ nhiệm Chính trị, Bộ CHQS tỉnh Trà Vinh, Quân khu 9	1973	10/1991	Xã Dân Thành, Thị xã Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh
408.	Triệu Quang Luận	Trung tá	Trưởng ban Tham mưu kế hoạch, Phòng Hậu cần, Bộ CHQS tỉnh Trà Vinh, Quân khu 9	1968	7/1991	Thị trấn Càng Long, huyện Càng Long, tỉnh Trà Vinh
409.	Bùi Đức Quân	Thiếu tá	Trợ lý Trinh sát, Ban CHQS huyện Tiểu Cần, Bộ CHQS tỉnh Trà Vinh, Quân khu 9	1962	9/1991	Xã Long Thới, huyện Tiểu Cần, tỉnh Trà Vinh
410.	Nguyễn Văn Toàn	Thượng tá	Phó Chỉ huy trưởng, Ban CHQS huyện Càng Long, Bộ CHQS tỉnh Trà Vinh, Quân khu 9	1966	7/1991	Xã Phương Thạnh, huyện Càng Long, tỉnh Trà Vinh
411.	Phan Minh Hưng	Trung tá	Chỉ huy trưởng, Ban CHQS huyện Càng Long, Bộ CHQS tỉnh Trà Vinh, Quân khu 9	1974	11/1991	Xã Long Đức, thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh
412.	Lê Văn Dẹp	Trung tá	Trưởng ban Hậu cần Kỹ thuật, Ban CHQS huyện Càng Long, Bộ CHQS tỉnh Trà Vinh, Quân khu 9	1970	7/1991	Xã Mỹ Cẩm, huyện Càng Long, tỉnh Trà Vinh
413.	Nguyễn Văn Huỳnh	Trung tá	Chánh Thanh tra Quốc phòng, Bộ CHQS tỉnh Trà Vinh, Quân khu 9	1970	7/1991	Xã Mỹ Cẩm, huyện Càng Long, tỉnh Trà Vinh



414.	Lê Kim Đồng	Trung tá	Trưởng ban Quân báo-Trình sát, Phòng Tham mưu, Bộ CHQS tỉnh Trà Vinh, Quân khu 9	1971	3/1991	Xã Khánh Hòa, huyện U Minh, tỉnh Cà Mau
415.	Lê Minh Triều	Trung tá	Chủ nhiệm Kỹ thuật, Bộ CHQS tỉnh Trà Vinh, Quân khu 9	1969	9/1990	Xã Mỹ Cẩm, huyện Càng Long, tỉnh Trà Vinh
416.	Đỗ Nam Trung	Trung tá	Trưởng ban Hậu cần-Kỹ thuật, Trưởng Quân sự, Bộ CHQS tỉnh Trà Vinh, Quân khu 9	1973	12/1990	Xã Hiệp Mỹ Tây, huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh
417.	Phạm Văn Tiền	Trung tá	Giáo viên, Trường Quân sự, Bộ CHQS tỉnh Trà Vinh, Quân khu 9	1972	02/1990	Xã Nhị Long, huyện Càng Long, tỉnh Trà Vinh
418.	Nguyễn Hữu Phước	Trung tá	Phó Chỉ huy trưởng, Ban CHQS huyện Cầu Kè, Bộ CHQS tỉnh Trà Vinh, Quân khu 9	1971	9/1990	Xã Tam Ngãi, huyện Cầu Kè, tỉnh Trà Vinh
419.	Nguyễn Văn Bé Năm	Thượng tá	Chỉ huy trưởng, Ban CHQS huyện Trà Ôn, Bộ CHQS tỉnh Vĩnh Long, Quân khu 9	1972	02/1990	Xã Tích Thiện, huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long
420.	Trần Trọng Nghĩa	Trung tá	Trưởng ban Hậu cần - Kỹ thuật, Ban CHQS huyện Trà Ôn, Bộ CHQS tỉnh Vĩnh Long, Quân khu 9	1972	9/1990	Xã Long An, huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long
421.	Nguyễn Hoàng Giang	Trung tá	Trợ lý Cán bộ - Chính sách, Ban CHQS huyện Trà Ôn, Bộ CHQS tỉnh Vĩnh Long, Quân khu 9	1971	9/1989	Xã Tích Thiện, huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long
422.	Huỳnh Văn Tuấn	Trung tá	Trợ lý Quân khí, Ban CHQS huyện Trà Ôn, Bộ CHQS tỉnh Vĩnh Long, Quân khu 9	1971	02/1990	Xã Thới Hòa, huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long
423.	Trần Ngọc Thanh	Đại tá	Cán bộ Công ty TNHH một thành viên 622, Quân khu 9	1955	02/1975	Xã Nhân Hòa, huyện Lý Nhân, tỉnh Hà Nam
424.	Bùi Văn Đồi	Trung tá	Phó Chủ nhiệm Chính trị, Phòng Chính trị, Lữ đoàn PB 6, Quân khu 9	1970	9/1991	Xã Quang Hưng, huyện Ninh Giang, tỉnh Hải Dương
425.	Nguyễn Văn Đăng	Thiếu tá CN	Y sĩ, Trạm xá, Phòng Hậu cần, Lữ đoàn PB 6, Quân khu 9	1973	3/1991	Xã Xuân Trúc, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên
426.	Trần Quang Nghiêm	Thiếu tá CN	Nhân viên lái xe, Đại đội 2, Tiểu đoàn Pháo binh 1, Lữ đoàn PB 6, Quân khu 9	1968	8/1989	Xã Vĩnh Thái, huyện Vĩnh Linh, tỉnh Quảng Trị
427.	Võ Thành Vui	Đại úy CN	Lái xe, Phòng Hậu cần, Bộ CHQS tỉnh Vĩnh Long, Quân khu 9	1974	4/1993	Xã Hậu Lộc, huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long
428.	Lê Văn Dũng	Đại úy CN	Nhân viên tài chính, Ban CHQS huyện Hồng Ngự, Bộ CHQS tỉnh Đồng Tháp, Quân khu 9	1974	02/1993	Phường An Hòa, thành phố Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp
429.	Nguyễn Đăng Minh Hải	Thiếu tá CN	Nhân viên tài chính, Ban Hậu cần - Kỹ thuật, Trường Quân sự, Bộ CHQS tỉnh Đồng Tháp, Quân khu 9	1975	02/1993	Xã Tân Thạnh, huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp

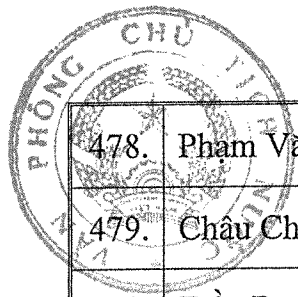


430.	Lê Văn Vồn	Thiếu tá CN	Bác sĩ, Phòng khám Quân Dân y Giồng Găng, Đoàn KT-QP 959, Bộ CHQS tỉnh Đồng Tháp, Quân khu 9	1970	3/1993	Xã Thiện Trung, huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang
431.	Tô Ngọc Tâm	Thiếu tá CN	Nhân viên tài chính, Ban CHQS huyện Cao Lãnh, Bộ CHQS tỉnh Đồng Tháp, Quân khu 9	1973	3/1993	Xã Mỹ Thọ, huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp
432.	Trần Ngọc Thắng	Thượng tá	Phó Tham mưu trưởng, Ban CHQS huyện Châu Thành, Bộ CHQS tỉnh Đồng Tháp, Quân khu 9	1965	9/1992	Xã An Hiệp, huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp
433.	Nguyễn Thanh Dũng	Đại úy CN	Nhân viên lái xe, Văn phòng Bộ CHQS tỉnh Đồng Tháp, Quân khu 9	1971	02/1993	Xã Mỹ Trà, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp
434.	Lý Trung Quyết	Thiếu tá	Trợ lý, Ban Tác huấn, Phòng Tham mưu, Sư đoàn BB330, Quân khu 9	1974	02/1993	Xã Cộng Hòa, huyện Nam Sách, tỉnh Hải Dương
435.	Lê Anh Tú	Trung tá	Trợ lý, Ban Thông tin, Phòng Tham mưu, Sư đoàn BB330, Quân khu 9	1972	02/1993	Xã Hải Thái, huyện Hải Lăng, tỉnh Quảng Trị
436.	Hà Văn Long	Thiếu tá CN	Trưởng Ban Xe-Máy, Phòng Kỹ thuật, Sư đoàn BB330, Quân khu 9	1970	02/1993	Xã Hoa Lộc, huyện Hậu Lộc, tỉnh Thanh Hóa
437.	Ngô Văn Phong	Trung tá	Chủ nhiệm chính trị Trung đoàn BB3, Sư đoàn BB330, Quân khu 9	1974	02/1993	Xã Bình Thành, huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre
438.	Trần Văn Vũ	Đại úy CN	Y sĩ, Ban Ngoại 2, Tiểu đoàn 24 Quân y, Sư đoàn BB 330, Quân khu 9	1971	02/1993	Thị trấn Chợ Vàm, huyện Phú Tân, tỉnh An Giang
439.	Lâm Văn An	Đại úy CN	Nhân viên tài chính, Tiểu đoàn 24 Quân y, Sư đoàn BB 330, Quân khu 9	1976	02/1993	Xã An Quảng Hữu, huyện Trà Cú, tỉnh Trà Vinh
440.	Dương Văn Xã	Thượng úy CN	Lái xe, Văn phòng, Bộ CHQS tỉnh Bạc Liêu, Quân khu 9	1975	9/1993	Xã Hưng Thành, huyện Vĩnh Lợi, tỉnh Bạc Liêu
441.	Lưu Thế Lực	Trung tá	Trưởng khoa Giáo viên, Trường Quân sự, Bộ CHQS tỉnh Bạc Liêu, Quân khu 9	1975	02/1993	Xã Yên Thọ, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa
442.	Trương Trung Kiên	Trung tá	Trưởng ban Thông tin, Phòng Tham mưu, Bộ CHQS tỉnh Bạc Liêu, Quân khu 9	1974	02/1993	Xã Tân Phong, huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình
443.	Lê Văn Hưng	Trung tá	Trợ lý Tuyên huấn, Phòng Chính trị, Lữ đoàn Pháo binh 6, Quân khu 9	1972	02/1993	Xã Bội Xuyên, huyện Mỹ Đức, thành phố Hà Nội
444.	Lê Văn Dinh	Trung tá	Chính trị viên, Tiểu đoàn 2 Lữ đoàn Pháo binh 6, Quân khu 9	1975	9/1993	Xã Lộc Thọ, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa
445.	Phạm Đạt Phong	Thiếu tá CN	Nhân viên Cơ yếu, Phòng Tham mưu, Lữ đoàn Pháo binh 6, Quân khu 9	1975	9/1993	Xã An Trường, huyện Càng Long, tỉnh Trà Vinh

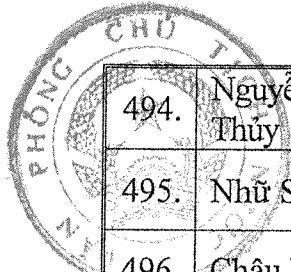


446.	Vũ Văn Xuân	Thiếu tá CN	Nhân viên Cơ công, Phòng Tham mưu, Lữ đoàn Pháo binh 6, Quân khu 9	1974	02/1993	Xã Định Hòa, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa
447.	Ngô Thanh Tâm	Đại úy CN	Nhân viên Lái xe, Phòng Tham mưu, Lữ đoàn Pháo binh 6, Quân khu 9	1974	2/1993	Xã Định Hòa, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa
448.	Đỗ Văn Thiệu	Thiếu tá CN	Thợ Sửa chữa Pháo, Phòng Kỹ thuật, Lữ đoàn Pháo binh 6, Quân khu 9	1973	02/1993	Xã Hoàng Ninh, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang
449.	Đỗ Xuân Ngọc	Đại úy CN	Thợ Sửa chữa Ô tô, Phòng Kỹ thuật, Lữ đoàn Pháo binh 6, Quân khu 9	1973	02/1993	Xã Thái Thịnh, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình
450.	Lê Quang Hiền	Đại úy CN	Thợ Sửa chữa Pháo, Phòng Kỹ thuật, Lữ đoàn Pháo binh 6, Quân khu 9	1974	02/1993	Xã Phụng Khoan, huyện Sông Lô, tỉnh Vĩnh Phúc
451.	Tào Văn Thắng	Đại úy CN	Nhân viên Lái xe, Tiểu đoàn 3, Lữ đoàn Pháo binh 6, Quân khu 9	1972	02/1993	Xã Hoàng Lý, huyện Hoàng Hóa, tỉnh Thanh Hóa
452.	Nguyễn Trọng Chinh	Trung tá	Tiểu đoàn trưởng, Tiểu đoàn Đặc công, Bộ Tham mưu, Quân khu 9	1974	9/1992	Xã Thanh Lương, huyện Thanh Chương, tỉnh Nghệ An
453.	Dương Hoàng Gia	Đại úy CN	Nhân viên, Phòng Hải quân, Bộ Tham mưu, Quân khu 9	1975	02/1993	Phường 7, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau
454.	Nguyễn Minh Lệ	Thiếu tá CN	Lái xe, Tiểu đoàn Hóa học, Bộ Tham mưu, Quân khu 9	1972	02/1993	Xã Xuân Hải, huyện Nghi Xuân, tỉnh Hà Tĩnh
455.	Dương Văn Oanh	Thiếu tá CN	Tiểu đội trưởng, Tiểu đoàn Hóa học, Bộ Tham mưu, Quân khu 9	1974	02/1993	Xã Thiệu Dương, huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hóa
456.	Trần Khiêm Hạnh	Thiếu tá CN	Chiến đấu viên, Tiểu đoàn Trinh sát, Bộ Tham mưu, Quân khu 9	1972	02/1993	Phường 1, thành phố Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp
457.	Bùi Ngọc Minh	Thiếu tá CN	Chiến đấu viên, Tiểu đoàn Trinh sát, Bộ Tham mưu, Quân khu 9	1975	02/1993	Phường An Hòa, thành phố Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp
458.	Nguyễn Trung Kiên	Trung tá	Chính trị viên, Tiểu đoàn 15, Sư đoàn BB4, Quân khu 9	1973	02/1993	Xã Thanh Tùng, huyện Thanh Miện, tỉnh Hải Dương
459.	Phan Thị Ngọc Thúy	Đại úy CN	Y Sĩ, Tiểu đoàn Quân y, Sư đoàn BB4, Quân khu 9	1975	3/1993	Phường Thuận Lộc, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế
460.	Nguyễn Ngọc Thảo	Thiếu tá CN	Nhân viên Văn thư – Bảo mật – Đánh máy, Văn phòng Bộ CHQS tỉnh Sóc Trăng, Quân khu 9	1974	4/1993	Phường An Cư, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ
461.	Trần Văn Thủy	Đại úy CN	Bác sỹ, Bệnh xá, Bộ CHQS tỉnh Sóc Trăng, Quân khu 9	1975	02/1993	Xã An Trạch, huyện Đông Hải, tỉnh Bạc Liêu

462.	Huỳnh Văn Xuân	Đại úy CN	Y sỹ, Bệnh xá, Bộ CHQS tỉnh Sóc Trăng, Quân khu 9	1971	02/1993	Xã Vĩnh Quới, thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng
463.	Phạm Văn Nhờ	Thiếu tá CN	Nhân viên thủ quỹ, Ban Tài chính, Bộ CHQS tỉnh Sóc Trăng, Quân khu 9	1975	9/1993	Xã Xuân Hòa, huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng
464.	Nguyễn Văn Hường	Thiếu tá	Phó Chủ nhiệm Kỹ thuật, Bộ CHQS tỉnh Sóc Trăng, Quân khu 9	1974	02/1993	Xã Mỹ Thuận, huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng
465.	Vũ Đức Ninh	Thiếu tá CN	Trợ lý Tham mưu - Kế hoạch, Phòng Kỹ thuật, Bộ CHQS tỉnh Sóc Trăng, Quân khu 9	1974	02/1993	Xã An Ninh, huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng
466.	Lê Văn Trung	Trung tá	Phó Chỉ huy trưởng Ban CHQS huyện Thạnh Trị, Bộ CHQS tỉnh Sóc Trăng, Quân khu 9	1972	02/1993	Xã Mỹ Quới, thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng
467.	Huỳnh Văn Ngoan	Đại úy CN	Thợ sửa chữa, Trạm BDSC tổng hợp, Phòng Kỹ thuật, Bộ CHQS tỉnh Sóc Trăng, Quân khu 9	1973	02/1993	Xã Mỹ Hương, huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng
468.	Phạm Trường Giang	Trung tá	Phó Chỉ huy trưởng Ban CHQS huyện Mỹ Xuyên, Bộ CHQS tỉnh Sóc Trăng, Quân khu 9	1971	8/1993	Xã Hòa Tú 2, huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng
469.	Nguyễn Văn Lý	Thiếu tá CN	Trợ lý, Ban Xe máy, Phòng Kỹ thuật, Sư đoàn BB8, Quân khu 9	1972	02/1993	Xã Mỹ Thạnh Tây, huyện Đức Huệ, tỉnh Long An
470.	Đặng Trung	Thiếu tá CN	Trợ lý, Ban Quân khí, Phòng Kỹ thuật, Sư đoàn BB8, Quân khu 9	1975	02/1993	Xã Phước Thạnh, huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre
471.	Ngô Văn Trị	Trung tá CN	Nhân viên Tài chính, Phòng Kỹ thuật, Bộ CHQS tỉnh Bến Tre, Quân khu 9	1965	02/1993	Phường Phú Tân, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre
472.	Võ Hiếu Nghĩa	Trung tá CN	Nhân viên Thống kê, Phòng Đào tạo, Trường Cao đẳng Nghề số 9, Quân khu 9	1971	3/1993	Xã Tân Thành, huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long
473.	Ngô Văn Lịch	Thiếu tá CN	Phó Giám đốc, Trung tâm Đào tạo và Sát hạch lái xe, Trường Cao đẳng Nghề số 9, Quân khu 9	1975	02/1993	Xã Trục Nội, huyện Trục Ninh, tỉnh Nam Định
474.	Đặng Trường Dũng	Thiếu tá CN	Giáo viên, Trung tâm Đào tạo và Sát hạch lái xe, Trường Cao đẳng Nghề số 9, Quân khu 9	1973	02/1993	Xã Tân Dương, huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp
475.	Dương Văn Hùm	Thiếu tá CN	Trưởng ban Khu Căn cứ Hậu cần Khánh Hà, Phòng Hậu cần, Bộ CHQS tỉnh Cà Mau, Quân khu 9	1970	02/1993	Xã Tân Phú, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau
476.	Phạm Minh Hợp	Đại úy CN	Nhân viên Lái xe, Phòng Hậu cần, Bộ CHQS tỉnh Cà Mau, Quân khu 9	1970	02/1993	Xã Phú Hưng, huyện Cái Nước, tỉnh Cà Mau
477.	Nguyễn Văn Hậu	Thiếu tá CN	Nhân viên Lái xe, Văn phòng Bộ CHQS tỉnh Cà Mau, Quân khu 9	1974	02/1993	Xã Hưng Mỹ, huyện Cái Nước, tỉnh Cà Mau

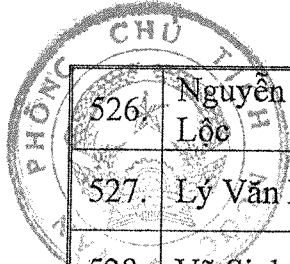


478.	Phạm Văn Mười	Đại úy CN	Nhân viên Văn thư - Bảo mật, Văn phòng Bộ CHQS tỉnh Cà Mau, Quân khu 9	1972	02/1993	Xã Trần Hợi, huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau
479.	Châu Chí Phong	Đại úy CN	Nhân viên Lái xe, Văn phòng Bộ CHQS tỉnh Cà Mau, Quân khu 9	1974	02/1993	Xã Phong Thạnh Nam, huyện Phước Long, tỉnh Bạc Liêu
480.	Trần Duy Túc	Đại úy CN	Lái xe, Tòa án Quân sự Khu vực 1, Quân khu 9	1974	9/1993	Xã Nguyễn Hòa, huyện Phù Cừ, tỉnh Hưng Yên
481.	Hoàng Thị Thủy	Thiếu tá CN	Nhân viên, Tòa án Quân sự Khu vực 2, Quân khu 9	1970	7/1993	Xã Gia Thịnh, huyện Gia Viễn, tỉnh Ninh Bình
482.	Lê Huy Hùng	Trung tá	Trợ lý, Phòng Tổ chức, Cục Chính trị, Quân khu 9	1974	02/1993	Xã Giao Tiến, huyện Giao Thủy, tỉnh Nam Định
483.	Lê Văn Hoàn	Trung tá	Trợ lý, Phòng Tổ chức, Cục Chính trị, Quân khu 9	1975	02/1993	Xã Thiệu Tiến, huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hóa
484.	Trương Minh Đồng	Đại úy CN	Lái xe, Phòng Dân vận, Cục Chính trị, Quân khu 9	1973	02/1993	Xã Hồ Đắc Kiện, huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng
485.	Lâm Điền Trung	Trung tá CN	Nhân viên, Đoàn Văn công, Quân khu 9	1967	9/1993	Xã Tân Thành, huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp
486.	Vũ Thị Bắc	Thiếu tá CN	Y sĩ, Cục Chính trị, Quân khu 9	1967	5/1993	Xã Gia Hòa, huyện Gia Lộc, tỉnh Hải Dương
487.	Phan Thành Công	Thượng tá	Nguyên Phó Chỉ huy trưởng, Ban CHQS huyện Hồng Ngự, Bộ CHQS tỉnh Đồng Tháp, Quân khu 9	1953	- 10/1972 - 9/2001	Xã Tân Hội, thị xã Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp
488.	Lê Xuân Sơn	Thượng tá	Nguyên Trưởng Ban Dân vận, Phòng Chính trị, Bộ CHQS tỉnh Đồng Tháp, Quân khu 9	1953	- 01/1970 - 9/2001	Phường An Thạnh, thị xã Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp
489.	Nguyễn Thanh Tùng	Thượng tá	Nguyên Phó Đội trưởng, Đội Công tác CT08, Bộ CHQS tỉnh Đồng Tháp, Quân khu 9	1965	- 6/1984 - 12/2010	Xã Tân Thạnh, huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp
490.	Nguyễn Văn Điểm	Thượng tá	Nguyên Trợ lý Dân quân, Phòng Tham mưu, Bộ CHQS tỉnh Đồng Tháp, Quân khu 9	1954	- 7/1977 - 02/2004	Xã Tân Nhuận Đông, huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp
491.	Phan Xuân Hồng	Thiếu tá	Nguyên Chỉ huy trưởng, Ban CHQS huyện Tân Hồng, Bộ CHQS tỉnh Đồng Tháp, Quân khu 9	1951	- 01/1968 - 7/1993	Xã Tân Hội, thị xã Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp
492.	Trần Văn Lam	Thiếu tá	Nguyên Trưởng ban Điều tra hình sự, Bộ CHQS tỉnh Đồng Tháp, Quân khu 9	1937	- 6/1964 - 5/1990	Xã Bình Thành, huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp
493.	Nguyễn Hoàng	Trung tá	Trợ lý Chính trị Phòng Hậu cần, Sư đoàn BB330, Quân khu 9	1972	9/1992	Xã Thạch Định, huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hóa

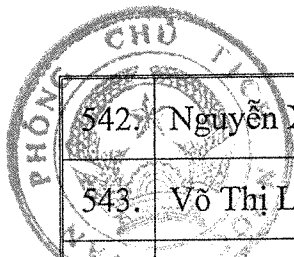


494.	Nguyễn Công Thủy	Đại úy CN	Nhân viên, Ban Quân y, Phòng Hậu cần, Sư đoàn BB330, Quân khu 9	1974	9/1992	Xã Xuân Thiên, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa
495.	Nhữ Sĩ Toàn	Thiếu tá	Trợ lý quân lực, Trung đoàn BB20, Sư đoàn BB330, Quân khu 9	1974	9/1992	Xã Quỳnh Hoa, huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An
496.	Châu Minh Hải	Trung tá	Phó Trung đoàn trưởng, Trung đoàn BB3, Sư đoàn BB330, Quân khu 9	1977	9/1992	Xã Thường Phước, huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp
497.	Trần Quang Mạnh	Trung tá	Tiểu đoàn trưởng, Tiểu đoàn 16 SMPK 12,7 ly, Sư đoàn BB330, Quân khu 9	1975	9/1992	Xã Tân Lập, huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình
498.	Huỳnh Tấn Tài	Đại úy CN	Nhân viên quản lý, Ban Hậu cần, Trường bắn Chi Lăng, Sư đoàn BB330, Quân khu 9	1970	3/1992	Xã Trường Long Tây, huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang
499.	Ngô Thanh Huyền	Thiếu tá	Trợ lý Huấn luyện vật chất, Ban Tham mưu, Trường bắn Chi Lăng, Sư đoàn BB330, Quân khu 9	1970	9/1992	Xã Vĩnh Giang, huyện Vĩnh Linh, tỉnh Quảng Trị
500.	Võ Văn Thắng	Thiếu tá CN	Y sỹ, Ban Ngoại 1, Tiểu đoàn 24 Quân y, Sư đoàn BB 330, Quân khu 9	1973	10/1992	Xã Diên Liên, huyện Diên Châu, tỉnh Nghệ An
501.	Phan Văn Cảnh	Trung tá	Trưởng ban Hậu cần - Kỹ thuật, Ban CHQS huyện Tam Bình, Bộ CHQS tỉnh Vĩnh Long, Quân khu 9	1971	11/1992	Xã Hậu Lộc, huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long
502.	Nguyễn Văn Bi	Trung tá	Trưởng ban Hậu cần - Kỹ thuật, Ban CHQS huyện Bình Tân, Bộ CHQS tỉnh Vĩnh Long, Quân khu 9	1970	9/1992	Xã Tân Lược, huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long
503.	Phạm Văn Hiếu	Trung tá	Phó Chỉ huy trưởng, Ban CHQS huyện Bình Tân, Bộ CHQS tỉnh Vĩnh Long, Quân khu 9	1969	9/1992	Xã Thuận An, thị xã Bình Minh, tỉnh Vĩnh Long
504.	Nguyễn Thành Ân	Thượng tá	Phó tham mưu trưởng, Bộ CHQS tỉnh Kiên Giang, Quân khu 9	1972	3/1992	Xã Mỹ Thuận, huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang
505.	Lê Chí Tâm	Thượng tá	Chánh thanh tra quốc phòng, Bộ CHQS tỉnh Kiên Giang, Quân khu 9	1974	9/1992	Xã Hòa Điền, huyện Kiên Lương, tỉnh Kiên Giang
506.	Nguyễn Hữu Thiệu	Trung tá	Chính trị viên phó, Ban CHQS huyện Tân Hiệp, Bộ CHQS tỉnh Kiên Giang, Quân khu 9	1973	9/1992	Xã Trung Sơn, huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An
507.	Nguyễn Thanh Tân	Trung tá	Tiểu đoàn trưởng KTT, Ban CHQS huyện Tân Hiệp, Bộ CHQS tỉnh Kiên Giang, Quân khu 9	1969	9/1992	Xã Tân Hội, huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang
508.	Triệu Thanh Toàn	Trung tá	Phó Chủ nhiệm chính trị, Trung đoàn BB893, Bộ CHQS tỉnh Kiên Giang, Quân khu 9	1973	8/1992	Xã Nam Lợi, huyện Nam Trực, tỉnh Nam Định
509.	Lê Thúc Đồng	Trung tá	Chính trị viên phó, Ban CHQS huyện Kiên Hải, Bộ CHQS tỉnh Kiên Giang, Quân khu 9	1974	3/1992	Thị trấn Giồng Riềng, huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang

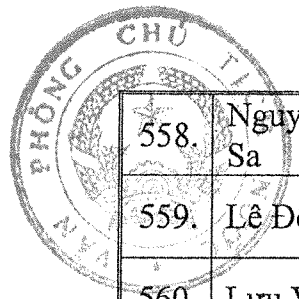
510.	Trương Văn Bạc	Trung tá	Phó chỉ huy trưởng, Ban CHQS huyện Kiên Hải, Bộ CHQS tỉnh Kiên Giang, Quân khu 9	1971	3/1992	Xã Hòn Tre, huyện Kiên Hải, tỉnh Kiên Giang
511.	Mai Hoàng Dũng	Thượng tá	Chính trị viên, Ban CHQS huyện Châu Thành, Bộ CHQS tỉnh Kiên Giang, Quân khu 9	1972	11/1992	Xã Thạnh Hòa, huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang
512.	Lê Thúc Kháng	Trung tá	Trưởng Ban dân quân tự vệ, Phòng tham mưu, Bộ CHQS tỉnh Kiên Giang, Quân khu 9	1968	9/1992	Thị trấn Cồn, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định
513.	Nguyễn Văn Út	Trung tá	Trợ lý Dân vận, Phòng chính trị, Bộ CHQS tỉnh Kiên Giang, Quân khu 9	1972	3/1992	Xã Long Tiên, huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang
514.	Nguyễn Văn Mỹ	Thiếu tá	Trợ lý quân lực, Ban CHQS huyện An Biên, Bộ CHQS tỉnh Kiên Giang, Quân khu 9	1968	11/1992	Xã Đông Yên, huyện An Biên, tỉnh Tiền Giang
515.	Nguyễn Thanh Hà	Thiếu tá CN	Trợ lý quân lực, Phòng tham mưu, Bộ CHQS tỉnh Kiên Giang, Quân khu 9	1972	9/1992	Xã Hòa Lợi, huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang
516.	Huỳnh Văn Thân	Trung tá	Phó chỉ huy trưởng, Ban CHQS huyện Châu Thành, Bộ CHQS tỉnh Kiên Giang, Quân khu 9	1973	02/1992	Xã Hưng Yên, huyện An Biên, tỉnh Tiền Giang
517.	Hoàng Trọng Thiên	Thiếu tá CN	Bác sỹ, Bệnh xá, Phòng hậu cần, Bộ CHQS tỉnh Kiên Giang, Quân khu 9	1974	9/1992	Phường Thủy Biều, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế
518.	Nguyễn Thanh Hải	Trung tá	Bác sỹ, Bệnh xá trưởng, Phòng hậu cần, Bộ CHQS tỉnh Kiên Giang, Quân khu 9	1967	9/1992	Xã Thạnh Hưng, huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang
519.	Dương Văn Sự	Trung tá	Phó chỉ huy trưởng kiêm tham mưu trưởng Ban CHQS huyện Tân Hiệp, Bộ CHQS tỉnh Kiên Giang, Quân khu 9	1967	9/1992	Xã Tân Hiệp B, huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang
520.	Nguyễn Văn Tân	Đại tá	Nguyên Chủ nhiệm chính trị, Bộ CHQS tỉnh Kiên Giang, Quân khu 9	1948	4/1969	Xã Vĩnh Phước, huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang
521.	Nguyễn Văn Ngành	Đại tá	Phó Chỉ huy trưởng, Bộ CHQS tỉnh Kiên Giang, Quân khu 9	1972	9/1991	Xã Vĩnh Hòa Hưng Nam, huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang
522.	Võ Thanh Bình	Thượng tá	Phó tham mưu trưởng, Bộ CHQS tỉnh Kiên Giang, Quân khu 9	1968	9/1991	Xã Thuận Hòa, huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang
523.	Nguyễn Quốc Việt	Trung tá	Trưởng Ban khoa học quân sự, Bộ CHQS tỉnh Kiên Giang, Quân khu 9	1967	3/1991	Xã Đông Hưng A, huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang
524.	Lý Quốc Trung	Trung tá	Phó chỉ huy trưởng, Ban CHQS huyện Kiên Hải, Bộ CHQS tỉnh Kiên Giang, Quân khu 9	1972	9/1990	Xã Thủy Liễu, huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang
525.	Trần Thanh An	Trung tá	Trưởng Ban HC-KT, Ban CHQS huyện Châu Thành, Bộ CHQS tỉnh Kiên Giang, Quân khu 9	1969	8/1990	Xã Thới Quản, huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang



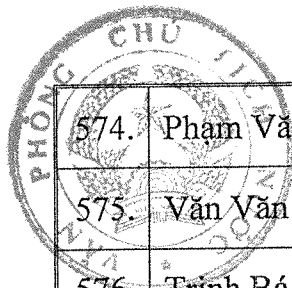
526.	Nguyễn Thành Lộc	Đại úy CN	Nhân viên lái xe đại đội thiết giáp, Phòng Tham mưu, Bộ CHQS tỉnh Kiên Giang, Quân khu 9	1971	3/1991	Xã Mỹ Lâm, huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang
527.	Lý Văn Hòa	Trung tá	Tiểu đoàn trưởng KTT, Ban CHQS huyện An Biên, Bộ CHQS tỉnh Kiên Giang, Quân khu 9	1966	8/1984 9/1993	Thị trấn Thứ Ba, huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang
528.	Vũ Sinh Viên	Trung tá	Phó tham mưu trưởng, Ban CHQS huyện An Biên, Bộ CHQS tỉnh Kiên Giang, Quân khu 9	1970	02/1989	Xã Thụy Văn, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình
529.	Quách Văn Thời	Trung tá	Đội trưởng đội sản xuất 3, Đoàn kinh tế quốc phòng 915, Bộ CHQS tỉnh Kiên Giang, Quân khu 9	1971	9/1991	Xã Thủy Liễu, huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang
530.	Tổng Văn Kiệt	Thượng tá	Trưởng Phòng tham mưu kế hoạch, Đoàn kinh tế quốc phòng 915, Bộ CHQS tỉnh Kiên Giang, Quân khu 9	1970	9/1991	Thị trấn Tân Hiệp, huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang
531.	Phạm Doãn Thịnh	Trung tá	Phó Phòng tham mưu kế hoạch, Đoàn kinh tế quốc phòng 915, Bộ CHQS tỉnh Kiên Giang, Quân khu 9	1970	3/1988	Xã Thanh Tùng, huyện Thanh Trương, tỉnh Nghệ An
532.	Lê Phước Lai	Trung tá	Chính trị viên Ban CHQS huyện An Biên, Bộ CHQS tỉnh Kiên Giang, Quân khu 9	1971	3/1991	Xã Bàn Tân Định, huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang
533.	Đào Văn Thọ	Trung tá	Trưởng Ban HC-KT, Ban CHQS huyện An Biên, Bộ CHQS tỉnh Kiên Giang, Quân khu 9	1970	9/1991	Xã Vĩnh Bình Bắc, huyện Vĩnh Thuận, tỉnh Kiên Giang
534.	Huỳnh Văn Hưng	Trung tá	Trung đoàn trưởng, Trung đoàn BB893, Bộ CHQS tỉnh Kiên Giang, Quân khu 9	1972	11/1991	Xã Đông Thạnh, huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang
535.	Nguyễn Văn Tâm	Đại tá	Chủ nhiệm chính trị, Trường quân sự địa phương, Bộ CHQS tỉnh Kiên Giang, Quân khu 9	1968	9/1991	Xã Bàn Tân Định, huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang
536.	Quách Mộng Long	Trung tá	Phó chỉ huy trưởng Ban CHQS huyện Tân Hiệp, Bộ CHQS tỉnh Kiên Giang, Quân khu 9	1970	3/1991	Xã Mông Thọ B, huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang
537.	Nguyễn Văn Sét	Thiếu tá CN	Nhân viên thống kê Dân quân tự vệ, Ban CHQS huyện Tân Hiệp, Bộ CHQS tỉnh Kiên Giang, Quân khu 9	1973	7/1990	Xã Mỹ Hạnh Bắc, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An
538.	Nguyễn Hoàng Dân	Thiếu tá CN	Thuyền trưởng, Phân đội tàu, Phòng Hậu cần, Bộ CHQS tỉnh Kiên Giang, Quân khu 9	1970	3/1991	Xã Tây Yên A, huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang
539.	Phan Thanh Tuấn	Đại úy CN	Nhân viên Trạm khách Pháo đài, Phòng Hậu cần, Bộ CHQS tỉnh Kiên Giang, Quân khu 9	1972	02/1990	Xã Vĩnh Thạnh, huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang
540.	Châu Minh Tâm	Thiếu tá CN	Nhân viên quân nhu, Phòng Hậu cần, Bộ CHQS tỉnh Kiên Giang, Quân khu 9	1969	02/1989	Phường Vĩnh Bảo, thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang
541.	Nguyễn Văn Tấn	Trung tá	Máy trưởng, Phân đội tàu, Phòng Hậu cần, Bộ CHQS tỉnh Kiên Giang, Quân khu 9	1967	02/1985	Xã Ngọc Chúc, huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang



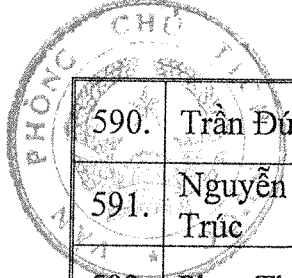
542.	Nguyễn Xuân Vũ	Thiếu tá CN	Nhân viên lái xe Trung đội vận tải, Phòng Hậu cần, Bộ CHQS tỉnh Kiên Giang, Quân khu 9	1970	9/1990	Thị trấn Thường Tín, huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội
543.	Võ Thị Lan	Trung tá	Chủ nhiệm Quân y, Phòng Hậu cần, Bộ CHQS tỉnh Kiên Giang, Quân khu 9	1966	11/1985	Xã Gia Bình, huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh
544.	Trần Thanh Hải	Thượng tá	Phó Chủ nhiệm, Phòng Hậu cần, Bộ CHQS tỉnh Kiên Giang, Quân khu 9	1964	2/1982	Xã Lộc Ninh, thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình
545.	Huỳnh Văn Hưng	Thượng tá	Chủ nhiệm, Phòng Hậu cần, Bộ CHQS tỉnh Kiên Giang, Quân khu 9	1965	9/1991	Xã Kim Long, huyện Hương Trà, tỉnh Thừa Thiên Huế
546.	Trương Văn Kinh	Đại úy CN	Nhân viên lái xe ban CHQS huyện Kiên Lương, Bộ CHQS tỉnh Kiên Giang, Quân khu 9	1972	9/1991	Phường Tô Châu, thị xã Hà Tiên, tỉnh Kiên Giang
547.	Lê Văn Hải	Thượng tá	Trưởng ban Dân vận, Phòng Chính trị, Bộ CHQS tỉnh Bạc Liêu, Quân khu 9	1963	9/1991	Xã Tân Tiến, huyện Đầm Dơi, tỉnh Cà Mau
548.	Nguyễn Văn Tô	Đại tá	Chủ nhiệm Chính trị, Bộ CHQS tỉnh Bạc Liêu, Quân khu 9	1971	9/1992	Xã Hiệp Thành, thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu
549.	Huỳnh Minh Vũ	Thượng tá	Chủ nhiệm Hậu cần, Bộ CHQS tỉnh Bạc Liêu, Quân khu 9	1976	9/1992	Xã Nguyễn Phích, huyện U Minh, tỉnh Cà Mau
550.	Nguyễn Thanh Đâu	Trung tá	Trợ lý Dân quân tự vệ, Phòng Tham mưu, Bộ CHQS tỉnh Bạc Liêu, Quân khu 9	1959	6/1981	Xã Vĩnh Bình, huyện Hòa Bình, tỉnh Bạc Liêu
551.	Dương Hoàng Thế	Thượng tá	Trưởng ban Quân lực, Phòng Tham mưu, Bộ CHQS tỉnh Bạc Liêu, Quân khu 9	1972	02/1992	Xã Quách Phẩm Bắc, huyện Đầm Dơi, tỉnh Cà Mau
552.	Trần Thanh Tùng	Thượng tá	Phó Hiệu trưởng, Trường Quân sự, Bộ CHQS tỉnh Bạc Liêu, Quân khu 9	1971	9/1991	Xã Khánh Bình, huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau
553.	Lữ Văn Sò	Trung tá	Trợ lý Quân nhu, Trường Quân sự, Bộ CHQS tỉnh Bạc Liêu, Quân khu 9	1969	9/1992	Xã Tân Thành, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau
554.	Võ Minh Luân	Trung tá	Trưởng ban Hậu cần - Kỹ thuật, Ban CHQS huyện Hòa Bình, Bộ CHQS tỉnh Bạc Liêu, Quân khu 9	1970	9/1992	Xã Minh Diệu, huyện Hòa Bình, tỉnh Bạc Liêu
555.	Văn Công Nghĩa	Thiếu tá CN	Nhân viên Văn thư, Bảo mật, Ban CHQS huyện Hòa Bình, Bộ CHQS tỉnh Bạc Liêu, Quân khu 9	1972	9/1992	Xã Châu Hưng A, huyện Vĩnh Lợi, tỉnh Bạc Liêu
556.	Mã Tuấn Huê	Thiếu tá CN	Nhân viên, Ban CHQS thành phố Bạc Liêu, Bộ CHQS tỉnh Bạc Liêu, Quân khu 9	1972	9/1992	Phường 2, thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu
557.	Nguyễn Thị Ly Hương	Thiếu tá CN	Nhân viên Quân y, Ban CHQS thành phố Bạc Liêu, Bộ CHQS tỉnh Bạc Liêu, Quân khu 9	1970	3/1991	Xã Long Điền Đông, huyện Đông Hải, tỉnh Bạc Liêu



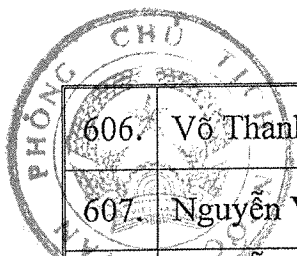
558.	Nguyễn Hoàng Sa	Thượng tá	Chính úy, Trường Quân sự, Bộ CHQS tỉnh Bạc Liêu, Quân khu 9	1973	11/1992	Xã Châu Thới, huyện Vĩnh Lợi, tỉnh Bạc Liêu
559.	Lê Đồng Tâm	Thiếu tá	Trưởng Ban Cơ Yếu, Phòng Tham Mưu, Sư đoàn BB4, Quân khu 9	1973	10/1992	Xã Hải Hòa, huyện Tĩnh Gia, tỉnh Thanh Hóa
560.	Lưu Văn Năm	Đại úy CN	Nhân viên lái xe, Ban Hành chính, Phòng Tham Mưu, Sư đoàn BB4, Quân khu 9	1973	9/1992	Xã Long Nhị, huyện Càng Long, tỉnh Trà Vinh
561.	Cao Văn Hòa	Trung tá	Chính trị viên, Tiểu đoàn Quân y, Phòng Hậu cần, Sư đoàn BB4, Quân khu 9	1973	9/1992	Phường Trường Sơn, thành phố Sầm Sơn, tỉnh Thanh Hóa
562.	Đỗ Hồng Khang	Thiếu tá CN	Trợ lý Quân khí, Ban Quân khí, Phòng Kỹ thuật, Sư đoàn BB4, Quân khu 9	1973	02/1992	Xã Tân Hội, huyện Đan Phượng, thành phố Hà Nội
563.	Nguyễn Trung Sơn	Thượng tá	Chính úy, Trung đoàn 10, Sư đoàn BB4, Quân khu 9	1975	9/1992	Xã Chương Dương, huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình
564.	Nguyễn Nhật Linh	Trung tá	Trung đoàn Trưởng, trung đoàn BB10, Sư đoàn BB4, Quân khu 9	1974	9/1992	Xã Lộc Thuận, huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre
565.	Lê Văn Thiết	Thiếu tá	Trợ lý cán bộ, Ban Chính trị, Trung đoàn BB30, Sư đoàn BB4, Quân khu 9	1971	9/1992	Xã Hiệp Thạnh, thị xã Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh
566.	Trương Thanh Cường	Đại úy CN	Nhân viên nấu ăn, Trung đoàn BB 897, Bộ CHQS tỉnh Sóc Trăng, Quân khu 9	1971	01/1992	Xã Gia Hòa 1, huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng
567.	Trần Thanh Phong	Thượng tá	Chính trị viên, Ban CHQS thành phố Sóc Trăng, Bộ CHQS tỉnh Sóc Trăng, Quân khu 9	1972	9/1992	Xã Gia Hòa 1, huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng
568.	Nguyễn Văn Trực	Trung tá	Phó Chỉ huy trưởng Ban CHQS thành phố Sóc Trăng, Bộ CHQS tỉnh Sóc Trăng, Quân khu 9	1971	9/1992	Xã Phong Năm, huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng
569.	Đỗ Bình Dương	Trung tá	Trợ lý Dân quân tự vệ, Ban CHQS thành phố Sóc Trăng, Bộ CHQS tỉnh, Quân khu 9	1967	7/1991	Phường 6, thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng
570.	Ngô Văn Luận	Thượng tá	Tiểu đoàn trưởng KTT, Ban CHQS huyện Mỹ Xuyên, Bộ CHQS tỉnh Sóc Trăng, Quân khu 9	1964	02/1992	Xã Ngọc Đông, huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng
571.	Nguyễn Thanh Dũng	Trung tá	Phó Trưởng Ban Quân lực, Phòng Tham mưu, Bộ CHQS tỉnh Sóc Trăng, Quân khu 9	1973	4/1991	Xã Mỹ Hòa, thị xã Bình Minh, tỉnh Vĩnh Long
572.	Trương Minh Khải	Thiếu tướng	Phó Tư lệnh kiêm Tham mưu trưởng, Quân khu 9	1962	4/1980	Xã Khánh Hòa, thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng
573.	Võ Thái Hùng	Trung tá	Trợ lý, Phòng Tác chiến, Bộ Tham mưu, Quân khu 9	1971	02/1992	Xã Đức An, huyện Đức Thọ, tỉnh Hà Tĩnh



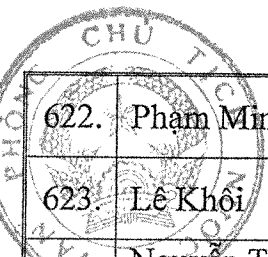
574.	Phạm Văn Nhẫn	Trung tá CN	Nhân viên Hành chính, Văn phòng Bộ Tư lệnh, Quân khu 9	1969	3/1991	Xã Tân Bình, huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre
575.	Văn Văn Du	Trung tá CN	Phó Trạm trưởng, Trạm khách T90, Văn phòng Bộ Tư lệnh, Quân khu 9	1970	3/1990	Xã Cửa Dương, huyện Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang
576.	Trịnh Bá Khải	Thiếu tá CN	Lái xe, Văn phòng Bộ Tư lệnh, Quân khu 9	1970	02/1989	Xã Phú Khánh, huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre
577.	Trần Ngọc Vinh	Thiếu tá CN	Lái xe, Văn phòng Bộ Tư lệnh, Quân khu 9	1967	5/1991	Xã Bình Giã, huyện Châu Đức, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu
578.	Phạm Văn Rê	Thiếu tá CN	Lái xe, Văn phòng Bộ Tư lệnh, Quân khu 9	1970	01/1991	Xã Bình Khánh Đông, huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre
579.	Phạm Văn Bo	Thiếu tá CN	Lái xe, Văn phòng Bộ Tư lệnh, Quân khu 9	1974	3/1992	Xã An Cư, huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang
580.	Nguyễn Đình Thanh	Trung tá	Trợ lý, Phòng Thông tin, Bộ Tham mưu, Quân khu 9	1973	9/1991	Xã Phú Nghĩa, huyện Chương Mỹ, thành phố Hà Nội
581.	Nguyễn Văn Dân	Thiếu tá CN	Nhân viên, Phòng Thông tin, Bộ Tham mưu, Quân khu 9	1974	6/1992	Xã Vũ An, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình
582.	Nguyễn Văn Tiếp	Thượng tá	Phó trưởng phòng, Phòng Tác chiến điện tử, Bộ Tham mưu, Quân khu 9	1972	9/1991	Xã Hồng Quang, huyện Nam Trực, tỉnh Nam Định
583.	Phạm Văn Đồ	Thiếu tá CN	Nhạc công, Phòng Quân huấn - Nhà trường, Bộ Tham mưu, Quân khu 9	1972	8/1991	Xã Long Trị, thị xã Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang
584.	Lâm Văn Hồng	Thiếu tá CN	Nhạc công, Phòng Quân huấn - Nhà trường, Bộ Tham mưu, Quân khu 9	1972	02/1992	Xã Vị Thắng, huyện Vị Thủy, tỉnh Hậu Giang
585.	Trương Công Việt	Thiếu tá CN	Nhạc công, Phòng Quân huấn - Nhà trường, Bộ Tham mưu, Quân khu 9	1973	02/1992	Xã Gio Mai, huyện Gio Linh, tỉnh Quảng Trị
586.	Lê Văn Minh	Thượng tá	Trợ lý, Phòng Quân huấn - Nhà trường, Bộ Tham mưu, Quân khu 9	1972	9/1992	Xã Đồng Tiến, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa
587.	Đỗ Hữu Chiến	Đại tá	Trưởng phòng, Phòng Biên phòng, Bộ Tham mưu, Quân khu 9	1962	8/1978	Xã Lương Quới, huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre
588.	Âu Văn Hữu Đức	Thượng tá	Trợ lý, Phòng Biên phòng, Bộ Tham mưu, Quân khu 9	1969	9/1989	Xã Tân Thanh, huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang
589.	Hoàng Đức Hưng	Thiếu tá CN	Lái xe, Ban Hành chính, Bộ Tham mưu, Quân khu 9	1973	3/1991	Xã Văn Phong, huyện Nho Quan, tỉnh Ninh Bình



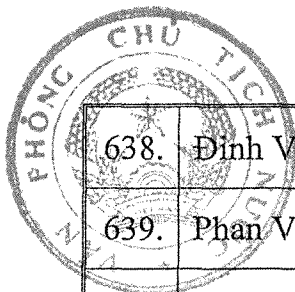
590.	Trần Đức Tú	Đại úy CN	Lái xe, Phòng Hậu cần, Bộ Tham mưu, Quân khu 9	1972	02/1992	Xã Hòa Hậu, huyện Lý Nhân, tỉnh Hà Nam
591.	Nguyễn Thanh Trúc	Thiếu tá CN	Nhân viên, Phòng Hậu cần, Bộ Tham mưu, Quân khu 9	1972	3/1991	Xã Trung Hòa, huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang
592.	Phan Thanh Thủy	Thiếu tá CN	Nhân viên, Phòng Hậu cần, Bộ Tham mưu, Quân khu 9	1970	01/1989	Xã Khánh Hưng, huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau
593.	Nguyễn Thành Đại	Thượng tá	Trưởng ban Bản đồ, Bộ Tham mưu, Quân khu 9	1971	02/1990	Xã Hòa Lộc, huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre
594.	Nguyễn Văn Việt	Thượng tá	Trợ lý, Phòng Quân huấn - Nhà trường, Bộ Tham mưu, Quân khu 9	1972	9/1992	Xã Hưng Khánh Trung A, huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre
595.	Võ Thị Hồng Thanh	Đại úy CN	Nhân viên, Tiểu đoàn Trinh sát, Bộ Tham mưu, Quân khu 9	1971	5/1992	Xã Nghi Khánh, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An
596.	Ngô Thị Thủy	Đại úy CN	Y tá, Tiểu đoàn Trinh sát, Bộ Tham mưu, Quân khu 9	1973	02/1992	Xã Sơn Thịnh, huyện Hương Sơn, tỉnh Hà Tĩnh
597.	Lê Văn Thuận	Trung tá	Phó Trung đoàn trưởng kiêm Tham mưu trưởng, Trung đoàn 1, Sư đoàn BB8, Quân khu 9	1972	9/1992	Xã Ngọc Sơn, huyện Thanh Chương, tỉnh Nghệ An
598.	Lại Ngọc Nho	Thiếu tá	Tiểu đoàn trưởng, Tiểu đoàn 2, Trung đoàn 1, Sư đoàn BB8, Quân khu 9	1974	9/1992	Xã Quỳnh Lộc, huyện Quỳnh Luu, tỉnh Nghệ An
599.	Nguyễn Thọ Bảo	Đại úy CN	Dược sỹ, Đại đội 24, Trung đoàn 9, Sư đoàn BB8, Quân khu 9	1973	9/1992	Xã Xuân Tường, huyện Thanh Chương, tỉnh Nghệ An
600.	Nguyễn Văn Dũng	Thượng tá	Chỉ huy trưởng, Ban CHQS huyện Thạnh Phú, Bộ CHQS tỉnh Bến Tre, Quân khu 9	1970	9/1992	Xã Giao Thạnh, huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre
601.	Nguyễn Văn Trình	Trung tá	Nguyên Giáo viên, Trường Quân sự, Bộ CHQS tỉnh Bến Tre, Quân khu 9	1954	02/1973	Xã Thuận Điền, huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre
602.	Nguyễn Thanh Xuân	Thượng tá	Chỉ huy trưởng, Ban CHQS huyện Ba Tri, Bộ CHQS tỉnh Bến Tre, Quân khu 9	1974	9/1992	Xã An Bình Tây, huyện Ba Tri, tỉnh Bến Tre
603.	Huỳnh Thanh Phong	Trung tá CN	Thợ sửa chữa ô tô, Phòng Kỹ thuật, Bộ CHQS tỉnh Bến Tre, Quân khu 9	1967	02/1987	Xã Giao Long, huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre
604.	Lê Văn Học	Thượng tá	Chính ủy, Trung đoàn BB895, Bộ CHQS tỉnh Bến Tre, Quân khu 9	1971	11/1992	Xã Lương Hòa, huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre
605.	Lê Văn Chiến	Trung tá	Chủ nhiệm Hậu cần-Kỹ thuật, Trung đoàn BB 895, Bộ CHQS tỉnh Bến Tre, Quân khu 9	1971	9/1992	Xã An Bình Tây, huyện Ba Tri, tỉnh Bến Tre



606.	Võ Thanh Phong	Thượng tá	Phó Chủ nhiệm Chính trị, Bộ CHQS tỉnh Bến Tre, Quân khu 9	1973	3/1991	Xã Hòa Lộc, huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre
607.	Nguyễn Văn Hải	Trung tá	Trưởng ban Dân vận, Phòng Chính trị, Bộ CHQS tỉnh Bến Tre, Quân khu 9	1969	9/1992	Xã Tân Thành Bình, huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre
608.	Nguyễn Văn Cường	Thượng tá	Phó Hiệu trưởng, Trường Quân sự, Bộ CHQS tỉnh Bến Tre, Quân khu 9	1970	7/1987	Phường 8, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre
609.	Lê Thành Hưng	Trung tá	Giáo viên, Trường Quân sự, Bộ CHQS tỉnh Bến Tre, Quân khu 9	1966	02/1986	Xã Sơn Đông, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre
610.	Huỳnh Văn Suôi	Thượng tá	Chỉ huy trưởng, Ban CHQS thành phố Long Xuyên, Bộ CHQS tỉnh An Giang, Quân khu 9	1968	8/1986	Thị trấn Mỹ Luông, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang
611.	Võ Thành Khuê	Trung tá CN	Trợ lý, Ban Trinh sát Quân báo, Phòng Tham mưu, Bộ CHQS tỉnh An Giang, Quân khu 9	1970	6/1988	Phường Mỹ Phước, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang
612.	Nguyễn Thanh Hùng	Trung tá	Phó Chỉ huy trưởng, Ban CHQS huyện An Phú, Bộ CHQS tỉnh An Giang, Quân khu 9	1973	02/1990	Xã Thới Sơn, huyện Tịnh Biên, tỉnh An Giang
613.	Huỳnh Văn Thân	Trung tá	Phó Chỉ huy trưởng, Ban CHQS huyện Tịnh Biên, Bộ CHQS tỉnh An Giang, Quân khu 9	1972	11/1989	Xã Thới Sơn, huyện Tịnh Biên, tỉnh An Giang
614.	Huỳnh Tấn Đức	Đại tá	Phó Hiệu trưởng Trường Quân sự, Bộ CHQS tỉnh An Giang, Quân khu 9	1959	7/1977	Xã Xuân Tô, huyện Tịnh Biên, tỉnh An Giang
615.	Nguyễn Văn Dũng	Đại tá	Đội trưởng, Đội Công tác CT39, Bộ CHQS tỉnh An Giang, Quân khu 9	1965	9/1984	Xã An Bình, huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang
616.	Dương Văn Hồng	Đại tá	Đại tá, Chỉ huy trưởng, Ban CHQS huyện Tri Tôn, Bộ CHQS tỉnh An Giang, Quân khu 9	1957	4/1975	Xã Thường Phước, huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp
617.	Trần Minh Đức	Trung tá	Chủ nhiệm kỹ thuật, Trung đoàn 892, Bộ CHQS tỉnh An Giang, Quân khu 9	1963	12/1981	Xã Quảng Văn, thị xã Ba Đồn, tỉnh Quảng Bình
618.	Phan Văn Mẫu	Thượng tá	Trưởng ban Quân lực, Phòng Tham mưu, Bộ CHQS bộ đội Biên phòng tỉnh An Giang	1957	5/1975	Xã Thường Phước, huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp
619.	Phan Tường	Đại tá	Phó Tham mưu trưởng, Bộ CHQS bộ đội Biên phòng tỉnh An Giang < BTL Bộ đội Biên phòng	1955	8/1973	Xã Đức Ninh, thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình
620.	Đỗ Thành Thương	Đại tá	Chỉ huy trưởng Ban CHQS huyện Tri Tôn, Bộ CHQS tỉnh An Giang, Quân khu 9	1946	3/1968	Xã Nhơn Hưng, huyện Tịnh Biên, tỉnh An Giang
621.	Nguyễn Thành Khương	Thượng tá	Phó Chủ nhiệm Kỹ thuật, Bộ CHQS tỉnh An Giang, Quân khu 9	1944	8/1964	Xã Núi Tô, huyện Tri Tôn, tỉnh An Giang



622.	Phạm Minh Tuấn	Đại tá	Đội trưởng, Đội CT 30, Cục Chính trị, Quân khu 9	1955	4/1975	Xã Thường Thới Tiền, huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp
623.	Lê Khôi	Thiếu tá	Nguyên Trợ lý Chính sách, Phòng Chính trị, Bộ CHQS tỉnh An Giang, Quân khu 9	1941	02/1961	Xã Tân Phú Thượng, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An
624.	Nguyễn Thanh Hà	Đại tá	Hiệu trưởng, Trường cao đẳng Nghệ số 9, Quân khu 9	1967	8/1983	Xã Ngọc Chúc, huyện Giồng Riêng, tỉnh Kiên Giang
625.	Trần Thành Công	Trung tá CN	Nhân viên Tài chính, Trung tâm Đào tạo và Sát hạch lái xe, Trường Cao đẳng Nghệ số 9, Quân khu 9	1972	9/1992	Xã Phương Thạnh, huyện Càng Long, tỉnh Trà Vinh
626.	Nguyễn Văn Sang	Thiếu tá CN	Giám đốc Cơ sở đào tạo lái xe số 01, Trường Cao đẳng Nghệ số 9, Quân khu 9	1971	5/1992	Xã Tân Hưng, huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang
627.	Lê Văn Phương	Thiếu tá CN	Phó trưởng khoa, Khoa Y Dược, Trường Cao đẳng Nghệ số 9, Quân khu 9	1972	9/1991	Xã Ngọc Sơn, huyện Thanh Chương, tỉnh Nghệ An
628.	Châu Văn Quận	Đại tá	Chủ nhiệm Chính trị, Bộ CHQS tỉnh Cà Mau, Quân khu 9	1971	9/1992	Xã Trần Hợi, huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau
629.	Nguyễn Xuân Giới	Thượng tá	Phó Chủ nhiệm UBKT, Đảng ủy Quân sự, Bộ CHQS tỉnh Cà Mau, Quân khu 9	1968	11/1992	Xã Tân Tiến, huyện Đầm Dơi, tỉnh Cà Mau
630.	Nguyễn Thanh Hùng	Thượng tá	Trưởng ban Tác huấn, Phòng Tham mưu, Bộ CHQS tỉnh Cà Mau, Quân khu 9	1972	9/1992	Xã Hòa Thành, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau
631.	Bùi Minh Hoàng	Thượng tá	Chính trị viên, Ban CHQS huyện Cái Nước, Bộ CHQS tỉnh Cà Mau, Quân khu 9	1963	9/1992	Xã Đông Thới, huyện Cái Nước, tỉnh Cà Mau
632.	Nguyễn Văn Sơn	Trung tá	Chính trị viên phó, Ban CHQS huyện Cái Nước, Bộ CHQS tỉnh Cà Mau, Quân khu 9	1962	9/1992	Xã Rạch Chèo, huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau
633.	Võ Hoàng Nam	Trung tá	Chính trị viên phó, Ban CHQS huyện Thới Bình, Bộ CHQS tỉnh Cà Mau, Quân khu 9	1965	11/1992	Phường 6, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau
634.	Nguyễn Thanh Nhân	Đại tá	Chính ủy, Trường Quân sự, Bộ CHQS tỉnh Cà Mau, Quân khu 9	1970	12/1989	Xã Hưng Mỹ, huyện Cái Nước, tỉnh Cà Mau
635.	Nguyễn Quốc Tuấn	Thiếu tá CN	Nhân viên Lái xe, Phòng Hậu cần, Bộ CHQS tỉnh Cà Mau, Quân khu 9	1965	8/1987	Phường 5, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau
636.	Hồ Minh Quân	Thiếu tá CN	Nhân viên Quân lực, Ban CHQS huyện Phú Tân, Bộ CHQS tỉnh Cà Mau, Quân khu 9	1967	3/1986	Thị trấn Cái Nước, huyện Cái Nước, tỉnh Cà Mau
637.	Trần Văn E	Trung tá	Phân Đội trưởng, Đội K90, Cục Chính trị, Quân khu 9	1966	8/1984	Xã Xuân Thắng, huyện Thới Lai, thành phố Cần Thơ



638.	Đình Văn Linh	Trung tá	Phân Đội trưởng, Đội K90, Cục Chính trị, Quân khu 9	1972	02/1990	Xã Lợi An, huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau
639.	Phan Văn Hiệp	Thượng tá	Phó Đội trưởng, Đội K90, Cục Chính trị, Quân khu 9	1970	01/1991	Xã Tân Thới, huyện Phong Điền, thành phố Cần Thơ
640.	Cao Hoài Huynh	Trung tá	Trợ lý, Phòng Cán bộ, Cục Chính trị, Quân khu 9	1970	11/1991	Xã Khánh Lộc, huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau

26